

ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT HOA NGHIÊM KINH SỚ

QUYỂN 35

Mục ba- Quả Nhiếp Báo, trong lợi ích thù thắng, phân hai: 1-Trình bày về quả tại gia; 2-Từ “Thị Bồ-tát nhược dục...” trở xuống là quả xuất gia.

Trong mục 1 lại có hai: a- Thân thù thắng nhất, hiển bày về Báo thù thắng ấy; b- Từ “Năng dĩ Đại thí...” trở xuống là trình bày về quả thù thắng nhất, hiển bày về Hạnh thù thắng ấy.

Mục a- Thân thù thắng nhất, vua cõi Diêm-phù, tức là Thiết Luân Vương. Nhưng kinh Anh Lạc-Nhân Vương thì bốn phần vị của Địa tiền đã phối hợp với bốn Luân. Nay ở Địa thứ nhất mới làm Thiết Luân, chính thức trình bày đều nương vào, không thể cố chấp.

Thường hộ trì Chánh pháp, phải là Hạnh thù thắng, vì sao Luận chủ cho là thuộc về thân thù thắng? Hộ trì Chánh pháp có hai: a- Hộ trì Chánh pháp của đất nước, thì thưởng-phạt mà thích hợp; b- Hộ trì Chánh pháp của Phật, thì xây dựng và gạt bỏ như bảo vệ Giáo-Lý... Luận dựa vào nghĩa trước.

Mục b- Quả thù thắng nhất, dựa vào Báo của vua trước đây để khởi lên Hạnh thù thắng, là quả của thân, trong đó có hai: Trước là Hạnh; sau là Nguyện.

Trong mục trước là Hạnh, cũng có hai tiết: Một-Đại Bi Lợi tha, nghĩa là như bố thí-như thâu nhiếp. Hai-Từ “Như thị nhất thiết...” trở xuống là không mất đi Tự lợi, bởi vì đang lúc thực hiện sự nghiệp Lợi tha vẫn không lìa xa niệ̣m Phật..., nghĩa là trong sự việc Lợi tha mà Hồi hướng Bồ-đề, thành tựu sự việc Đại cung kính mà không sinh tâm phân biệt, loại trừ các vọng tưởng-thuận theo Lý hợp với Thể, cho nên nói là không lìa xa.

Đã nghĩ đến (Sở niệ̣m) có mười một câu, Luận phân làm bốn: 1-Ba câu đầu là hướng lên trên nghĩ đến Tam Bảo, bởi vì ở trên mình cho

nên không lìa xa ba Luân. 2- Một câu tiếp là nghĩ đến pháp giống nhau. 3- Ba câu tiếp là nghĩ đến công đức: a- Hạnh Bồ-tát của thân mình và thân người khác; b- Tự Thể của Độ hạnh; c- Bởi vì các Địa càng thêm thù thắng. 4- Bốn câu sau là nghĩ đến Phật mong cầu về nghĩa, bởi vì Lực... là nghĩa về cứu cánh chân thật, vốn là pháp mà mình đã mong cầu.

Mục sau từ “Phục tác...” trở xuống là trình bày về Nguyên, có mười một câu: Bảy câu trước là đức của mình, bốn câu sau là thâm nhiếp giáo hóa.

Trong bảy câu trước, ở đây nói là Thù thắng, Luận về Kinh gọi là Đại, tên gọi còn lại đều giống nhau. Thủ chỉ là tổng quát, nghĩa là quả vị Bồ-đề vốn là cao quý. Diệu... chỉ là riêng biệt. Thắng-Đại cũng tổng quát-cũng riêng biệt.

Thủ có hai loại: 1- Bởi vì công đức ánh sáng thù thắng đứng đầu; 2- Bởi vì thù thắng đứng đầu chỉ một chữ không có hai.

Thắng cũng có hai loại: 1- Bởi vì Diệu Trí tự tại thù thắng; 2- Vì diệu, bởi vì tự tại thù thắng lìa xa tất cả phiền não.

Thù thắng cũng có hai: 1- Cao nhất, bởi vì không có gì sánh bằng; 2- Vô thượng, bởi vì không có gì có thể vượt qua.

Trong bốn câu sau: Một câu đầu dựa theo Giáo, nói là dẫn dắt (Đạo), bởi vì chính thức thuyết giảng phân biệt về Pháp-Nghĩa ở trong A-hàm. Ba câu còn lại hiển bày về Chứng, vị Tướng là bởi vì diệt trừ các phiền não khiến cho người khác đạt được Nghĩa của Chứng, câu này dựa theo Đoạn đức; hai câu sau dựa theo Trí, trước là nhân-sau là quả, vị Thầy là bởi vì dạy dỗ khiến cho tiến vào Chánh đạo, câu sau là dùng Đại Bồ-đề mà giáo hóa.

Trong mục 2, là quả xuất gia: a- Rời bỏ thế tục mà xuất gia; b- Từ “Ký xuất gia...” trở xuống là tu hành mong mỗi Chứng đạt. Nghiệp thù thắng của Thiền định có hai: Một: Tam-muội thù thắng, tức là Thể của Định thù thắng; hai: Thù thắng do Tam-muội mà phát ra, nghĩa là nhờ vào Tam-muội mà được thấy Phật..., có mười một câu trình bày về Tự lợi-Lợi tha, phân làm ba cặp:

Sáu câu đầu là theo không gian luận về Tự lợi-Lợi tha.

Hai câu trước là Tự lợi: 1- Thấy trăm vị Phật, là mười phương đều có mười thân Tha thọ dụng. Phẩm Trí của luận Du Già nói: “Có thể thấy trăm Đức Như Lai ở đủ loại quốc độ.” Dựa vào phần vị mà hiển bày một trăm, Lý thật thì thấy nhiều vị Phật như trước đây nói. 2- Nhận biết về Thần lực. Ý của Luận chọn lấy Thần lực đã gia hộ Bồ-tát thuyết

pháp, tu tập Trí tuệ ở hai Xứ trên.

Bốn câu tiếp là Lợi tha: Một câu đầu là có căn cơ tin tưởng, hiện bày thần thông làm rung động quốc độ; ba câu tiếp là có căn cơ tỏ ngộ, hướng đến quốc độ, chiếu rọi ánh sáng, chính thức trao cho giáo pháp. Hai câu tiếp là theo thời gian luận về Tự lợi-Lợi tha: 1- Tự thâm nhiệt về Sinh thân thù thắng, luận Du Già nói: “Nếu muốn giữ lại thọ mạng thì có thể trú trong trăm kiếp.” 2- Ba Minh soi chiếu cùng tận, rõ ràng thiện-ác của chúng sinh.

Ba câu sau là một cặp, trình bày về Tự lợi-Lợi tha nhanh chóng: 1- Tư duy đủ loại pháp môn, làm cho Trí của mình tăng trưởng; 2- Phân thân nhanh chóng để làm nhiều lợi ích.

Mục bốn- Quả Nguyện Trí. Chánh Nguyện tích lũy đã lâu, bởi vì Nội chứng về Trí, cho nên thị hiện tự tại khó có thể suy xét tận cùng, là hiển bày về số Trăm trước đây, làm sáng tỏ sai khác về tầng bậc của Địa, không phải là nhất định như vậy. Nay Hạnh phù hợp với pháp giới, là Thật đức viên dung, cho nên nói là vượt qua số lượng trước đây. Luận về sau kết luận rằng: Sơ lược giải thích về các Địa đều có Nhân-Thể-Quả-Tướng, là bởi vì Tướng và Đắc-Quả trong Địa này, giống với chín Địa sau. Nhân tức là Tướng, Thể tức là Đắc-Quả, tên gọi không khác nhau, nên biết. Ba loại này nối thông với chín Địa sau, cho nên ở đây kết luận, bởi vì hiển bày về thuyết giảng rộng trước đây không ra ngoài ba loại này.

Trong phần kệ tụng: Có bốn mươi sáu kệ rưỡi, phân làm hai phần riêng biệt: Trước là chính thức tụng về phần trước; sau là hai kệ kết thúc thuyết giảng.

Trong phần trước, phân bốn:

Một: Có mười một kệ, tụng về phần bắt đầu trú vào Địa, trong đó có bốn: 1- Có một kệ rưỡi, tụng về phần Dựa vào thân nào? 2- Có bốn kệ rưỡi, tụng về phần Vì nghĩa gì? 3- Có hai kệ, tụng về phần Dùng nhân nào? 4- Có ba kệ, tụng về phần Có tướng gì?

Hai: Có năm kệ, tụng về phần Giải thích tên gọi: 1- Có hai kệ rưỡi, tụng về tướng của Hỷ. 2- Hai kệ rưỡi còn lại, tụng về nhân của Hỷ, trong đó: Trước là nửa kệ, tụng về phần Nghĩ về pháp sẽ đạt được; sau là hai kệ, tụng về phần Nghĩ về pháp đang đạt được.

Ba: Có sáu kệ, tụng về phần An trụ vào Địa: 1- Có một kệ rưỡi, tụng về thành tựu Tín tâm; 2- Có một kệ rưỡi, tụng về thành tựu Tu hạnh; 3- Có ba kệ, tụng về thành tựu Hồi hướng.

Bốn: Từ “Hằng khởi...” trở xuống có hai mươi hai kệ rưỡi, tụng

về phần So sánh thù thắng, trong đó có ba: 1- Có sáu kệ rưỡi, tụng đến phần So sánh về Nguyễn. 2- Có sáu kệ, tụng đến phần So sánh về Hạnh. 3- Có mười kệ, tụng đến phần So sánh về Quả, trong đó: Đầu là hai kệ, tụng về Quả Điều Nhu; tiếp là hai kệ, tụng về Quả Phát Thú; tiếp là năm kệ rưỡi, tụng về Quả Nhiếp Báo; sau là nửa kệ, tụng về Quả Nguyễn Trí.

Phần sau là hai kệ kết thúc thuyết giảng, có thể biết. Địa thứ nhất, xong.

(Từ đây trở xuống là đi vào quyển thứ 35 trong kinh).

Đoạn thứ hai: LY CẤU ĐỊA

Đầu là nguyên cớ đưa ra, Luận nói: Chánh vị đã chứng như vậy, dựa vào Giới thanh tịnh làm nhân của Đạo xuất thế gian, mà nói về Ly Cấu Địa là Địa thứ hai của Bồ-tát.

Nói Chánh vị, thì Địa thứ nhất Kiến đạo là xuất thế gian, dựa vào đây tu tập đối với ba Học, Giới thuộc về thứ nhất cho nên đưa ra trước tiên.

Địa trước tuy Chứng Chân, có Giới nhưng chưa thể nào không có sai lầm. Lại dùng mười Độ để trình bày về nghĩa, trước là Bồ thí, ở đây là Giới, cho nên tiếp theo trình bày. Tám Địa sau dựa vào mười Độ, thứ tự để phân rõ về ý đưa ra, dựa theo đây có thể biết.

Nói về Ly Cấu, Từ Thị nói: “Bởi vì cấu uế của phạm giới hoàn toàn xa lìa, nghĩa là thành tựu về Tánh giới, không giống như Địa thứ nhất suy nghĩ chọn lựa Giới để giữ gìn.”

Luận Duy Thức cũng nói: “Đầy đủ Thi-la thanh tịnh, bởi vì xa lìa cấu uế của phiền não hủy phạm vi tế.”

Luận Thập Trú Tỳ-bà-sa, tuy nói là thực hành mười thiện đạo, lìa xa những cấu uế cho nên cũng không khác với Giới. Vì vậy luận Du Già cũng gọi là Trú vào Giới tăng thượng.

Trong Địa này đoạn trừ chướng của Tà hạnh, chứng đạt Chân Như tối thắng, đều dựa theo Giới để trình bày.

Nói về chướng của Tà hạnh, nghĩa là một phần Câu sinh trong Sở tri chướng, và do Câu sinh ấy mà khởi lên ba nghiệp phạm vào sai lầm, có thể chướng ngại đến Địa thứ hai. Vì vậy Địa thứ hai nói về đoạn trừ hai Ngu và sự thô nặng của nó: 1- Ngu về phạm vào sai lầm vi tế, tức là một phần Câu sinh trên đây, loại này có thể khởi lên nghiệp; 2- Ngu về hướng đến đủ loại nghiệp, tức là do Câu sinh ấy mà khởi lên ba nghiệp phạm vào sai lầm.

Nói về Tối thắng, nghĩa là Chân Như này đầy đủ vô biên đức, bởi vì thật là thù thắng đối với tất cả các pháp. Đây cũng là vô biên đức do vượt qua lỗi lầm phá giới. Vì vậy thành tựu Giới hạnh, đạt được quả Bồ-đề Vô đẳng Tối thắng, đều nhờ vào Giới để hiển bày về tướng riêng biệt của Địa. Tuy văn ở Kinh-Luận khác nhau, mà ý chính thì không khác nhau.

Tiếp là chính thức giải thích văn. Văn phân ba phần chính: Một-Phần ca ngợi thừa thĩnh; hai-Phần chính thức thuyết giảng; ba-Phần trùng tụng.

Phần một: Ca ngợi thừa thĩnh, có năm kệ phân hai: 1- Ba kệ đầu là vui mừng được nghe về Địa thứ nhất; 2- Hai kệ sau là thừa thĩnh thuyết giảng về Địa thứ hai.

Trong ba kệ đầu: Hai kệ trước là người kết tập Kinh điển nói về vui mừng thuộc ba nghiệp, một kệ sau là phát ra ngôn từ bày tỏ ca ngợi. Nhưng vui mừng được nghe ở đây cũng thuộc về Địa trước, bởi vì hiểu rõ phần trước-thừa thĩnh phần sau, cho nên đều phân định thuộc về phần sau.

Trong hai kệ sau cũng trước là mở đầu, sau là thừa thĩnh.

Phần hai: Chính thức thuyết giảng: Trước là trình bày về tướng của Địa; sau là làm sáng tỏ về quả của Địa.

Trong phần trước, phân hai: 1- Phát khởi thanh tịnh tức là đi vào tâm; 2- Từ “Phật tử, Bồ-tát trú Ly Cấu...” trở xuống là Tự Thể thanh tịnh, tức là tâm trú vào Địa. Chánh hạnh trong Địa, ba Tự không có sai lầm, gọi là Tự Thể thanh tịnh; tâm thẳng thắn hướng đến nơi ấy, gọi là Phát khởi thanh tịnh.

Trong phần 1: Là phát khởi, có ba: a- Kết thúc phần trước nêu lên phần sau; b- Từ “Hà đẳng...” trở xuống là nêu ra mười tên gọi; c- Từ “Bồ-tát dĩ thử...” trở xuống là kết luận về hành tiến vào phần vị.

Phần a: Nêu ra nói là Thâm tâm (Tâm sâu xa), bởi vì sâu xa phù hợp với Lý-Sự. Luận về Kinh nói là Trực tâm, nhưng trong phần sau nêu ra tên gọi, câu tổng quát cùng gọi là Trực tâm (Tâm thẳng thắn), thì biết rõ ràng Thâm và Trực, nghĩa như nhau mà tên gọi khác nhau.

Luận nói: Mười loại Trực tâm, là Trực tâm thành tựu về Tánh giới dựa vào Giới thanh tịnh, bởi vì tự nhiên thực hành tùy theo những gì nên làm, nghĩa là trong phần Phát khởi thanh tịnh, giữ gìn thuận theo Lý-Sự là Giới thanh tịnh, Trực tâm thì khiến cho thành tựu về Tánh giới trong phần Tự Thể thanh tịnh. Nhưng Tánh giới có hai: 1- Tích lũy lâu dài mà thành tánh; 2- Trong tánh Chân Như không có cấu uế của phá giới. Nay

hợp với Chân Như mà giữ gìn khiến cho có thể thành tánh, cho nên nói là Thành tựu.

Trong phần b, là nêu ra, nêu ra có mười câu: Câu đầu là tổng quát, còn lại là riêng biệt.

Tổng quát nói là Trực tâm, luận Du Già nói: “Tôn trọng phước điền đối với tất cả các bậc Sư trưởng, ý thích không thực hành hư dối.” Đây là giải thích riêng biệt dựa theo tùy tướng. Nay bởi vì Luận chủ thuận theo nghĩa duyên khởi của Nhất thừa, cho nên phân làm tổng quát và riêng biệt. Riêng biệt đều thành tựu tổng quát, thì khiến cho nghĩa riêng biệt đầy đủ trong tổng quát, vì vậy không giải thích riêng biệt về câu tổng quát.

Trong riêng biệt: Bốn câu đầu nói về Luật nghi, ba câu tiếp nói về Nhiếp thiện, hai câu sau nói về Nhiêu ích.

1- Tâm thẳng thắn nhu hòa, bởi vì giữ giới cùng với ý vui thích. Luận Du Già nói: “Nhẫn nhục, nhu hòa đối với Bồ-tát đồng pháp thì có thể dễ dàng cùng nhau cư trú.”

2- Tâm có thể chịu được, tánh khéo léo giữ giới có năng lực tự tại, phiền não-ma sự không thể nào làm cho thay đổi, bởi vì điều khó giữ mà có thể giữ được, cho nên Ngõng nuốt ngọc quý-Dùng cỏ để trói, dù mất đi tánh mạng mà không hề làm trái.

3- Tâm giữ gìn căn môn, không sai lầm phạm vào giới, như tánh của ngựa rất thông minh tự mình điều hòa thuận phục, bởi vì thấy sâu xa về lỗi lầm đối với các hành.

4- Tâm tịch tĩnh, Luận nói: Điều hòa thuận phục hài hòa mềm mỏng, cho nên không sinh tâm cao ngạo, là tựa như không nường cậy. Ba loại trước đã giữ gìn là tịch tĩnh thuộc về Sự. Luận Du Già nói: “Thấy sâu xa về lợi ích thù thắng đối với Đại Niết-bàn, đây chính là xứng với tịch tĩnh thuộc về Lý.”

5- Tâm thuần thiện, nghĩa là chỉ tu tập về pháp phần Bồ-đề diệu-thiện, có thể chịu đựng những điều tổn hại, vốn như vàng ròng.

6- Tâm không xen tạp, Luận nói: Công đức đã đạt được không sinh lòng thỏa mãn, dựa vào giới thanh tịnh lại mong cầu giới thù thắng, bởi vì ưa thích tịch tĩnh. Nghĩa là tuy đạt được Diệu-Thiện như câu trước, mà không thỏa mãn thì không xen tạp lười nhác; ưa thích tịch tĩnh thì không xen tạp sự việc rối loạn, thân tâm đều vắng lặng tức là giới thù thắng.

7- Tâm rời bỏ thế lực của các quả báo mà không tiếc nuôi, không giống như Nan-đà trì giới vì ham muốn.

8- Tâm Đại Bi vì chúng sinh không gián đoạn, có Nguyễn làm cho rộng lớn.

9- Tâm Đại Trí tùy theo có mà không hề nhiễm ô, cho nên có thể làm tất cả lợi ích có ý nghĩa cho chúng sinh.

Phần c là kết luận về hành tiến vào phần vị, do mười tâm trên đây mà thành tựu rất viên mãn đối với Thượng phẩm, cho nên tiến vào trú trong Giới này.

Trong phần 2: Là Tự Thể thanh tịnh, trình bày về ba Tự giới thanh tịnh, tức là phân làm ba: a- Luật nghi thanh tịnh, Luận nói: Thanh tịnh lìa bỏ, nghĩa là bởi vì lìa bỏ sát sinh..., đây là dựa theo Tùy giới, cũng gọi là Chánh thọ thanh tịnh, đây là dựa theo lần đầu mới Thọ; b- Nhiếp thiện pháp giới; c- Nhiếp chúng sinh giới. Ba Tự giới này thấu nhiếp ba phần vị trước đây: Đầu là thấu nhiếp phần vị trú vào Địa đối trị; tiếp là thấu nhiếp phần vị thực hành làm nhiều lợi ích, bởi vì suy nghĩ về chúng sinh ấy rơi vào nẻo ác...; sau là thấu nhiếp phần vị hồi hướng không hủy hoại, nghĩa là có Trí-Nguyễn..., cho nên đối với Pháp Bảo... đều không hủy hoại.

Luật nghi nối thông với Chỉ-Tác. Nhiếp thiện chỉ dựa theo thiện hạnh thiện. Hai loại trước nối thông với Tự lợi, một loại sau chỉ dựa theo lợi ích cho chúng sinh.

Lại trong Luật nghi, tuy có thiện hạnh mà Thí-Nhẫn... không thực hành, vốn không phải là sai lầm. Trong Nhiếp thiện thì không có gì không thực hành. Nếu như vậy thì Kinh này, hai loại trước cùng lìa bỏ sát sinh..., hai tướng lẽ nào phân biệt?

Xưa giải thích có hai nghĩa: 1- Phần nghĩa của Đồng Thể, dựa theo gần bên nghĩa lìa xa lỗi lầm, thì nói là Luật nghi; thuận theo Lý có thể làm lợi ích, thì phân định là Nhiếp thiện. 2- Ẩn và hiển tác thành lẫn nhau. Trong Luật nghi có Chỉ-Tác, lìa xa nhân-lìa xa quả là hành thuộc về Chỉ, đối trị lìa xa là hành thuộc về Tác, nêu ra Tác giúp đỡ cho Chỉ, nói là Luật nghi. Trong Nhiếp thiện giới cũng có Chỉ-Tác, dùng Chỉ giúp đỡ cho Tác, nói là Nhiếp thiện.

Nay lại có một cách giải thích, trong này chỉ dựa theo Chánh hạnh tự mình tu tập. Sau trong Nhiếp thiện cũng khiến cho người khác tu tập, thì thấu nhiếp thiện hạnh thuộc về Tự lợi-Lợi tha, và thiện hạnh thuộc về Bi-Trí.

Lại ở đây chỉ là thiện hạnh thuộc về phần mình, sau trong Nhiếp thiện thì hưởng lên trên tu tập thiện hạnh của Phật, lẽ nào có thể giống nhau hay sao?

Phần a- Luật nghi, phân ba mục: Một- Nêu lên chỗ dựa, nghĩa là Ly Cấu Địa vốn là Giới tăng thượng; Hai- Từ “Tánh tự...” trở xuống là chính thức hiển bày về tướng của Giới; Ba- Từ “Phật tử, chí như thị...” trở xuống là kết luận thành tựu về Tăng thượng.

Trong mục hai là chính thức hiển bày về tướng của Giới, có mười nghiệp đạo Thiện, tức là mười đoạn.

Đoạn 1: Lìa bỏ sát sinh, phân hai: Trước là tổng quát trình bày, sau từ “Bất súc...” trở xuống là riêng biệt hiển bày.

Trước là tổng quát: Tánh tự xa rời, vẫn thuộc về sát sinh, mà nghĩa bao gồm chín đoạn sau, nghĩa là tự tánh thành tựu mười nghiệp đạo Thiện, tức là Giới thuộc về tự tánh. Nhưng lìa bỏ có ba loại: 1- Lìa bỏ thuộc về kỳ hạn yêu cầu, nghĩa là các phạm phu; 2- Lìa bỏ thuộc về phương tiện, đó gọi là Nhị thừa; 3- Lìa bỏ thuộc về Tự Thể, nghĩa là các Bồ-tát, phù hợp tận cùng Thật tánh, Tự Thể không có gì nhiễm ô.

Nhưng các Bồ-tát cùng tu tập về Tự Thể, mà lại có bốn: 1- Lìa bỏ hiện hành, đó gọi là Địa tiền; 2- Loại trừ chủng tử, tức là Địa thứ nhất; 3- Loại trừ sai lầm phạm vào; 4- Hiển bày về tánh thanh tịnh. Hai loại này là ở Địa thứ hai. Nhưng tánh thanh tịnh khó làm sáng tỏ, nhờ vào trừ bỏ sát sinh..., để hiển bày về tánh thanh tịnh ấy, đây là bao gồm các Giáo khác. Nếu dựa vào Kinh này, thì Thể của Địa cách xa, nhờ vào Địa thù thắng để hiển bày, lẽ nào có thể mỗi một phần vị ở Địa tiền đều sâu xa, nay ở Địa thượng mới thực hành mười thiện hay sao?

Sau là trong riêng biệt hiển bày, có ba loại lìa bỏ: Một- Lìa bỏ nhân, nghĩa là lìa bỏ nhân duyên của sát sinh; Hai- Từ “Ưu nhất thiết...” trở xuống là lìa bỏ đối trị, nghĩa là lìa bỏ pháp của sát sinh; Ba- Từ “Thị Bồ-tát...” trở xuống là lìa bỏ hành của quả, tức là lìa bỏ nghiệp sát sinh.

Một- Lìa bỏ nhân, lại có hai loại: 1- Lìa bỏ nhân tiếp nhận cất chứa, nghĩa là không cất chứa dao-gậy, đây tuy là duyên mà thuận theo nổi thông gọi là nhân, tóm lược nêu ra hai loại này, còn lại chú thuật-thuốc độc... đều là nhân của sát sinh. 2- Từ “Bất hoại...” trở xuống là trình bày về lìa bỏ nhân khởi lên, đây chính là nhân, nhân tức là ba Độc. Không mang lòng oán hận, là trình bày về lìa bỏ nhân của nóng giận, dù cha mẹ mình bị người giết hại cũng không tìm cách trả thù.

Tiếp từ “Hữu tâm...” trở xuống là trình bày về lìa bỏ nhân của tham lam. Tham có hai loại: 1- Bởi vì tham lam tài lợi, cho nên tạo ra các nghiệp ác, thậm chí mất mạng mà tâm không hề xấu hổ-ân hận; nay có hổ thẹn cho nên có thể lìa bỏ. 2- Bởi vì tham lam chúng sinh, mà

bất-nuôi-nhốt-trối..., khiến cho phát sinh khổ não; nay có lòng nhân ái thương xót, tha thứ mình là rõ ràng, mà có thể lia bỏ. Nhưng ngu si khởi lên giết hại chắc chắn là tà kiến, tà kiến khó loại bỏ, không phải là đối trị thì không lia bỏ, vì vậy Luận chủ trình bày lia bỏ ngu si ngay trong phần đối trị, ở đây lược bớt không nói đến.

Hai- Trong lia bỏ đối trị, cũng có hai loại: 1- Sinh tâm làm lợi ích, là trao cho chúng sinh hai loại nhân vui sướng của thế gian-xuất thế gian. 2- Sinh tâm Từ nghĩ đến, nghĩa là nghĩ đến chúng sinh đạt được quả Niết-bàn của trời-người. Đối với nhân quả như vậy đã không mong cầu điên đảo, thì lia bỏ tâm ngu si khởi lên nhân sát sinh, như sát sinh để cúng tế... Trong này, lợi ích của Từ dựa theo chủ động đối trị, thì gọi là lia bỏ, không giống như trước-sau nói về nhân sát sinh-quả sát sinh mà làm thụ động lia bỏ. Nếu như vậy thì trước có nhân ái tha thứ, cho nên lia bỏ nhân khởi lên tham lam, tâm nhân ái tha thứ lẽ nào không phải là chủ động đối trị? Trước dựa theo vốn có nhân ái... không khởi lên tham lam..., chứ không phải là tâm phát khởi nhân ái tha thứ; nay dựa theo tâm phát sinh Từ làm lợi ích cho chúng sinh, bởi vì là chủ động đối trị, cho nên không giống nhau.

Ba- Lia bỏ hành của quả: Bao gồm nhân thành tựu sát sinh, gọi nghiệp là quả; nay không chính thức giết hại, cho nên gọi là lia bỏ quả. Trong đó cũng có hai: 1- Vi tế, nghĩa là tâm nghĩ đến giết hại; 2- Thô trọng, nghĩa là thân gây ra giết hại. Nay Kinh dùng tế so sánh với thô. Trong phần thô, thành tựu về sát sinh có năm nhân duyên: Một- Thân, nghĩa là đối với thân khác, bởi vì thân khác là Thể của thụ động sát sinh, cho nên gọi là Thân, đây là chọn ra Tự thân. Hai- Sự, nghĩa là chúng sinh, đây là chọn ra loài Phi tình. Ba- Tưởng, nghĩa là khởi lên tưởng về chúng sinh, chọn ra tưởng làm ngói-gỗ... Bốn- Hành, nghĩa là cố dùng ý lặp lại, ý lặp lại là suy nghĩ cho nên gọi là Hành, đây là chọn ra sai lầm. Năm- Thể, nghĩa là thân gây ra làm hại, đoạn dứt mạng sống thuộc về cuối cùng, chính là nghiệp sát sinh, cho nên gọi là Thể, thì chọn ra bốn loại trước để làm phương tiện.

Nhưng luận Tạp Tập-Du Già, Duyên đều có năm mà hợp hai loại đầu làm Sự, lại thêm phần phiền não. Nay bởi vì phiền não là nhân khởi lên trước, cho nên không trình bày trở lại. Lại tưởng về cảnh nhẹ-nặng... không phải là toàn bộ nội dung quan trọng của phần này, cho nên lược qua không trình bày.

Đoạn 2: Lia bỏ trộm cắp, cũng câu đầu là tổng quát, phi lý mà làm hại tài sản, không cho mà lấy, cho nên gọi là trộm cắp.

Trong riêng biệt cũng có ba: Một- Lìa bỏ nhân; Hai- Từ “Ứtha...” trở xuống là lìa bỏ đối trị; Ba- Từ “Nhược vật...” trở xuống là lìa bỏ hành của quả.

Một- Lìa bỏ nhân: Chỉ (ngăn lại) là ít ham muốn, Túc (đầy đủ) là biết vừa đủ. Tự mình vốn có hãy còn sinh tâm ít ham muốn-biết vừa đủ, cho nên không có nhân trộm cắp. Nhưng mà Chỉ-Túc có hai nghĩa: 1- Chỉ Túc thuộc về nội tâm, tức là lìa bỏ nhân khởi lên, như người liêm khiết trung trung, tuy rất khát nước mà không uống trộm nước suối. 2- Địa này đầy đủ tài sản vô tận, cho nên lìa bỏ nhân tiếp nhận cất chứa. Nhưng trong sát sinh, thì cất chứa vật dụng sát sinh làm nhân; dâm vợ người-trộm tài sản, dùng không đầy đủ để làm nhân.

Hai- Lìa bỏ đối trị: Do phát khởi tâm Từ, tha thứ mình để hiểu rõ, thì đối với tiền bạc tài sản của mình hãy còn bố thí mà làm yên lòng người khác, lẽ nào xâm phạm làm hại nơi khác hay sao? Nhưng nơi khác có hai: 1- Người khác; 2- Đời khác. Không trộm cắp thì không làm hại tài sản vật dụng ở vị lai.

Ba- Lìa bỏ hành của quả, cũng có thô-tế. Không lấy ngọn cỏ-chiếc lá là tế, tài sản vật dụng khác là thô. Nhưng vẫn nối thông làm năm duyên: 1- Thân, nghĩa là như vật thuộc về người khác, đây là chọn ra chính mình, là Thể của vật thuộc về người khác, cho nên gọi là Thân. 2- Sự, Kinh thiếu câu này, Luận về Kinh nói: Sự thuộc về tác dụng của người khác. 3- Tưởng, nghĩa là khởi lên tưởng về vật của người khác. 4- Hành, nghĩa là tâm vượt qua hoàn toàn không trộm cắp. 5- Thể, nghĩa là nêu lên lìa xa nơi ban đầu.

Từ “Nãi chí...” trở xuống là dùng tế so sánh với thô. Sát sinh-dâm đối với Chánh báo của người khác trở thành nghiệp, cho nên dùng thân-tâm mà phân ra tế-thô. Giới trộm cắp tuy bao gồm Y-Chánh, nhưng chỉ dựa theo làm hại về tài sản, cho nên chỉ dựa vào vật bên ngoài để nói về thô-tế.

Lại sát sinh có nhiều loại, chỉ riêng con người trở thành nặng, cho nên ngay trong phần thô mới nói về duyên đầy đủ. Trộm cắp dễ trở thành vi phạm, cho nên tổng quát trình bày đầy đủ các duyên, hoặc là thô hay tế đều trở thành Thể của trộm cắp.

Đoạn 3: Lìa bỏ tà dâm. Trái với Lễ gọi là tà, tâm nhiễm ái gọi là dâm. Trong riêng biệt cũng có ba:

Một- Lìa bỏ nhân, nghĩa là biết vừa đủ đối với vợ mình. Ở đây cũng có hai ý: 1- Trong tâm biết vừa đủ, lìa bỏ đối với nhân khởi lên. 2- Tự biết đủ về sắc thân của vợ, lìa bỏ nhân tiếp nhận nuôi giữ. Bản dịch

thời Tấn-Luận về Kinh đều nói: Tự biết đủ về sắc thân của vợ. Biết đủ về vợ là bởi vì nương vào phước báo của Luân Vương, giống như thế gian cho nên có thể nêu ra là có. Biết vừa đủ dựa theo tâm cũng không trở ngại đến Phạm hạnh.

Hai- Là bỏ đối trị, nghĩa là không mong cầu vợ của người khác. Phạm hạnh hiện tại vốn thanh tịnh, cho nên không mong cầu sắc thân của vợ ở vị lai. Vợ của người khác, bởi vì không thuộc về lời nói.

Ba- Từ “Ư tha thê...” trở xuống là trình bày về lìa bỏ hành của quả, cũng có thô-tế. Tế dựa theo tâm khởi lên, thô dựa theo sự việc tùy thuộc, nhưng văn phân hai: Đầu là nêu ra cảnh tà; sau từ “Thượng bất...” trở xuống là dùng tế so sánh với thô.

Trong mục đầu, cảnh tà có ba: 1- Không chính đáng; 2- Không phải lúc; 3- Không phải chỗ. Không phải chỗ là một loại ở sau so sánh với loại giữa.

Tiết 1, là không chính đáng: Người khác giữ gìn con gái, đây là câu tổng quát. Giữ gìn có hai loại: a- Không cùng nhau giữ gìn, nghĩa là thế tiếp của người khác chỉ là người chồng giữ gìn; b- Cùng nhau giữ gìn, nghĩa là thân tộc-môi giới rõ ràng. Thân gọi là cha mẹ, Tộc tức là tông tộc, nghĩa là cha mẹ qua đời thì do bà con họ hàng giữ gìn, chồng mất thì do con cái... giữ gìn. Môi giới rõ ràng, nghĩa là đã tiếp nhận lễ vật ăn hỏi (Sính lễ).

Tiết 2, là không phải lúc, tức là do pháp đã bảo vệ. Nhưng pháp có hai: Một- Vương pháp; hai-Phật pháp. Phật pháp nghĩa là lúc tu Phạm hạnh, ở đây lại có hai: a- Một phần, nghĩa là tám giới; b- Toàn phần, nghĩa là Cụ túc... Nhưng không phải lúc ở đây dựa theo Trí Luận quyển thứ 15, và trong các Luận mở rộng có tướng ấy; nay đã nêu ra ý thuộc về không khởi tâm nhiễm, cho nên đối với vợ mình không nói tướng tận về điều ấy.

Trong mục sau là dùng tế so sánh với thô, có hai lớp so sánh: 1- Dùng tâm nhiễm so sánh với Chánh đạo tùy thuộc sự việc; 2- Dùng tâm nhiễm và Chánh đạo để so sánh với Phi đạo. Phi đạo tức là không phải chỗ trước đây, cũng thuận theo dùng con người so sánh với loài khác, bởi vì những sự việc sau thô bỉ hơn những sự việc trước. Bởi vì cảnh dâm ấy không có ý tưởng nghi ngờ, cho nên Luận chủ đối với sự việc này không dựa theo duyên đầy đủ. Văn kinh không nói dấy lên tướng về con gái người khác, dựa theo tà dâm mà nói, cũng có ý tưởng nghi ngờ, bởi vì trong này hiển bày về cảnh chính đáng của vợ mình cũng nhất định không hề phạm vào, cho nên không nói đến.

Đoạn 4: Lìa bỏ vọng ngữ. Ngược với tưởng-trái với tâm, gọi đó là vọng.

Trong riêng biệt phân hai: Một- Lìa bỏ đối trị; Hai- Từ “Nãi chí...” trở xuống là lìa bỏ hành của quả.

Một- Đối trị tức là lìa bỏ nhân, không riêng biệt trình bày về nhân, vì sao? Bởi vì có hai nghĩa: 1- Bởi vì không có sự việc bên ngoài, nghĩa là không có sự việc bên ngoài thuộc về dao gậy-vợ con-tài sản, cho nên không có nhân của tiếp nhận cất giữ; 2- Bởi vì không có nhân khác, nghĩa là chỉ sử dụng lừa dối người khác. Tâm suy nghĩ tức là nhân của vọng ngữ, không có tham... riêng biệt để làm nhân khác. Nhân khác tức là nhân khởi lên, bởi vì lìa bỏ tâm lừa dối ấy, tức là trở thành lời nói chân thật. Bởi vì lời nói chân thật tức là đối trị tâm lừa dối, lìa bỏ đối trị tức là lìa bỏ nhân, cho nên không giống như ba loại của thân. Ba lỗi của thân đều lìa bỏ đầy đủ ba loại, bốn lỗi của miệng chỉ có hai loại, ba lỗi của ý chỉ có một loại.

Trong văn nói: Lời nói thật (Thật ngữ), là bởi vì tùy theo tâm tưởng, nghĩa là cho dù thật sự không thấy mà tâm nói là thấy, nhưng nói là thấy thì cũng gọi là lời nói thật. Lời nói đúng (Chân ngữ), là bởi vì suy nghĩ khéo léo kỹ càng đúng như sự thật, nghĩa là do tâm suy nghĩ tương tự với sự việc, hợp với điều này mà nói. Nếu chỉ hợp với sự việc mà không hợp với tâm, thì cũng gọi là vọng ngữ, cho nên thêm vào suy nghĩ khéo léo.

Nói về lời nói hợp thời, Luận nói: Biết nói đúng lúc, cho nên không khởi lên sự việc làm phiền muộn suy sụp đến thân mình và thân người khác, nghĩa là sự việc trong lòng tuy thật mà thay đổi thời gian nhìn thấy, có lẽ khiến cho mình và người nảy sinh phiền muộn suy sụp. Nay Bồ-tát thấy buổi sáng nói là buổi sáng, thấy buổi chiều nói là buổi chiều, cho nên gọi là biết đúng lúc. Bản kinh thời Tấn gọi là Tùy, cũng là nghĩa về thuận với thời gian.

Hai- Lìa bỏ hành của quả, cũng dùng tế so sánh với thô. Trong giấc mộng là tế, cố ý phạm vào là thô. Ở đây nói là lời nói che giấu, Luận về Kinh nói: Không khởi lên cách nhìn che giấu-cách nhìn chịu đựng. Luận Tỳ-bà-sa nói: “Che giấu tướng vọng ngữ gọi là Phú kiến, che giấu tâm vọng ngữ gọi là Nhẫn kiến. Nghĩa là thật sự thấy sự việc, tâm cho là thấy mà nói là không thấy, đây gọi là Phú kiến, bởi vì che giấu tướng của sự việc mà mình đã thấy. Ngược lại với điều này là lời nói chân thật. Nếu thật sự không thấy, mà tâm sinh ra tưởng về thấy, nói dối là không thấy, đối với sự việc tuy là thật, mà đối với thấy thì có trái

ngược, gọi là Nhẫn kiến, bởi vì chịu đựng trái với điều mình đã thấy. Ngược lại với điều này là lời nói chân thật.” Trong giấc mộng, mắt thấy chỉ là cái thấy của Trí.

Đoạn 5: Lời nói không trái ngược gọi là lìa bỏ lời nói hai lưỡi. Lìa bỏ lời nói hai lưỡi, bởi vì sự việc thành tựu có thể khiến cho ly gián.

Trong riêng biệt cũng có hai: Một- Lìa bỏ đối trị; Hai- Từ “Vị phá...” trở xuống là lìa bỏ hành của quả. Lìa bỏ đối trị, tức là hành không phá hoại, đây chỉ dựa theo tâm. Lìa bỏ hành của quả thì bao gồm tâm và sự việc, tức là sai biệt.

Một- Lìa bỏ đối trị: Tâm, nghĩa là truyền nhau nói lại, chắc chắn ở trong tâm nghĩ nhớ giữ lấy lời nói ác, bởi vì muốn dùng để phá hoại mới thành tựu ly gián. Văn nói là: Không có tâm ly gián. Luận về Kinh nói là: Không có tâm phá hoại, và bởi vì phá bỏ điều đó... Nhưng Luận nói hai loại là trình bày về tâm tiếp nhận. Nghĩ nhớ giữ lấy, nghĩa là giả vờ hiện vẻ bạn thân, như loài Dã can giả vờ thân thiện với Sư tử... Lại gần gũi gần bó mà trở thành sơ nhạt gọi là ly gián, thân thiện lâu rồi trở thành oán thù gọi là não hại.

Hai- Lìa bỏ hành của quả: Sai biệt có ba, đó là Thân-Tâm-Nghiệp đều có hai nghĩa.

1- Hai nghĩa phá hoại về Thân, nghĩa là đã phá hoại-chưa phá hoại là Thể của ly gián, cho nên gọi là Thân.

2- Từ “Bất hỷ...” trở xuống là trình bày hai nghĩa phá hoại về Tâm: a- Tùy hỷ với người khác; b- Tự tâm vui thích.

3- Từ “Bất tác...” trở xuống là hai nghĩa phá hoại về Nghiệp, nghĩa là hoặc tế hay thô. Tế thì thật sự có lời nói ác, Thô thì không thật mà bịa đặt ra, chính là truyền nhau về lời nói ly gián, cho nên gọi là Nghiệp. Nay Bồ-tát đều lìa bỏ, cho nên đều nói là Bất.

Đoạn 6: Lời nói không thô bỉ, gọi là lìa bỏ ác khẩu.

Trong riêng biệt phân hai: Một- Lìa bỏ hành của quả; Hai- Từ “Thường tác...” trở xuống là lìa bỏ đối trị. Các nghiệp trước-sau đối trị hưởng về hành của quả, không phải là hoàn toàn theo thứ tự, cho nên trước hiển bày về đối trị, sau có thể lìa bỏ quả.

Nay ở đây trải qua riêng biệt đối lập với nhau, trước nêu ra hành của quả trong một lúc làm sáng tỏ về lìa bỏ, sau nói về có thể đối trị theo thứ tự ngược lại với trước, văn nghĩa thích hợp cho nên trước trình bày về hành của quả.

Nay trong mục trước là hành của quả: Đầu là nêu ra thụ động bị lìa bỏ, sau là trình bày về chủ động lìa bỏ.

Trong tiết đầu có mười bảy câu, đều có một nghĩa. Nhưng mà ý của Luận thì lần lượt chuyển tiếp giải thích lẫn nhau, trong đó có hai: Bốn câu trước là một lớp tổng quát hiển bày về Thể-Dụng của lời nói ác; mười ba câu sau là trở lại hiển bày về bốn câu trước.

Trong bốn câu trước theo thứ tự giải thích lẫn nhau: 1- Tổng quát trình bày về Thể của lời nói. 2- Vì sao chỉ có làm hại? Bởi vì lời thô ác dữ tợn. 3- Vì sao thô ác dữ tợn? Bởi vì làm khổ người khác. 4- Vì sao làm khổ người khác? Bởi vì khiến cho người khác giận dữ. Bốn câu nói này thì nghĩa như nhau mà tên gọi khác nhau.

Trong mười ba câu sau là trở lại hiển bày:

Đầu có bốn câu tổng quát giải thích về bốn câu trước, trong đó: Hai câu trước trình bày về thời gian của lời nói ấy, nghĩa là bởi vì bốn câu trước có đối diện-không đối diện. Hai câu sau trình bày về Thể của lời nói trước đây không ra ngoài hai loại: a- Thô bỉ xấu xa, nghĩa là bởi vì không khiêm nhường; b- Dung tục thấp kém, bởi vì thường xuyên không có dạy dỗ.

Sau là chín câu riêng biệt giải thích về làm khổ người khác khiến cho người ấy giận dữ là tương làm hại trước đây, trong đó lại có hai:

Trong hai câu đầu trình bày về nói lời thô bỉ trước đây, tự mình làm trái với Giới. 1- Vì sao làm trái với Giới? Bởi vì có thể làm khổ người khác, khiến cho người khác giận dữ. 2- Vì sao làm khổ người khác? Bởi vì không thích nghe. Vì sao khiến cho giận dữ? Bởi vì nghe không vừa lòng.

Bảy câu còn lại trình bày trong tâm tự mình giận dữ phát ra lời nói, khiến cho người khác làm trái với Giới, khởi lên giận dữ mà sinh khổ não: Đầu là lời nói giận dữ, là Thể của lời nói tự mình giận dữ. Sau là có thể khiến cho người khác giận dữ, người khác giận dữ có hai sự việc không có lợi ích: Một- Năm câu trước trái với vui thích sinh lòng giận dữ, nghĩa là nghe mà không thích, như lửa đốt trong tâm, lúc nhớ lại không vui cho nên sinh ra oán kết. Nhiệt não là khiến cho tâm tư bị bế tắc. Hai- Câu cuối cùng là trái với niềm vui khiến cho đau khổ, nghĩa là đã có sự việc vui thích giống như ý, bởi vì tự mình sai lầm làm mất đi, cũng khiến cho người khác sai lầm làm mất đi, sai lầm làm mất đi niềm vui nhận biết lẫn nhau.

Tiết sau từ “Như thị...” trở xuống là trình bày về chủ động lia bỏ, có thể biết.

Trong mục sau là đối trị có mười loại lời nói, trái với những lời nói trước đây, mà có phần không theo thứ tự, nghĩa là: Lời nói mềm mỏng,

trái với hai lời nói làm khổ người khác-khiến cho người ấy giận dữ. Lời nói dịu dàng, trái với lời nói độc hại-thô lỗ. Hiện ở trước mắt-không hiện ở trước mắt không có Thể riêng biệt, cho nên không trái ngược. Lời nói vừa ý, trái với lời nói giận dữ trên đây, nghĩa là hòa nhã vừa ý mà phát ra lời nói. Lời nói thích nghe và vui sướng, trái với lời nói không thích và không vui; trên đây nói lời thô bỉ cho nên không vui thích, nay nói lời thuận với trời-người cho nên sinh lòng vui thích. Lại ba lời nói sau Lời nói vừa ý, lần lượt chuyển tiếp giải thích lẫn nhau: Lời nói khéo léo đi vào tâm người, trái với lời nói như lửa đốt trong tâm-nhiệt não-oán kết. Trên đây vì tâm giận dữ mà phát ra lời nói, cho nên lời nói như lửa đốt trong tâm..., nay dùng lời nói thuận với Niết-bàn, mà khiến cho lời nói khéo léo đi vào tâm người. Lời nói phong nhã chuẩn mực phép tắc, trái với lời nói thô bỉ xấu xa-dung tục thấp kém trên đây. Trước thì lời nói thô lậu dung tục, nay thì lời nói hàm chứa kinh sử, cho nên yêu thích vui sướng mà phát sinh Tam-muội, trái với lời nói không thể yêu thích. Lời nói làm cho thân-tâm vui mừng hớn hở mà sinh tâm thân thiện, trái với lời nói làm hủy hoại thân mình và thân người khác.

Đoạn 7: Ngôn từ không đứng đắn cho nên nói là lời nói thêu dệt, giống như văn từ trau chuốt hoa mỹ. Tổng quát lia bỏ, có thể biết.

Trong riêng biệt cũng có hai: Một- Lia bỏ đối trị; Hai- Lia bỏ hành của quả.

Một- Lia bỏ đối trị, có tám câu: Một câu đầu là tổng quát, cho nên sau kết luận rằng: Cười đùa hãy còn luôn luôn suy nghĩ kỹ càng, vì vậy Bồ-tát thường vui vẻ. Suy nghĩ nhiều lần sau đó mới nói, thì không hề tán loạn. Bảy câu sau là riêng biệt.

Một chữ Thời cũng tổng quát-cũng riêng biệt. Tổng quát là suy nghĩ kỹ càng trước khi nói, nghĩa là suy nghĩ phù hợp với thời gian, nói năng-im lặng nhất định thích hợp. Thế nào là Thời? Nghĩa là bởi vì đôi bên không có tổn hại, mình và người luôn luôn thành tựu lợi ích. Luận nói: Khéo léo nhận biết thời gian nói năng, bởi vì dựa vào đôi bên mà nói. Lời nói đúng lúc có mấy loại? Sơ lược mà nói có ba: 1- Lời nói đúng lúc để giáo hóa, nghĩa là thấy chúng sinh trái với điều thiện, khuyến khích phát sinh tin tưởng, khiến cho bỏ điều ác-theo điều thiện, tức là nghĩa riêng biệt của chữ Thời. 2- Ba câu tiếp là lời nói đúng lúc để dạy dỗ truyền thụ, khiến cho người ấy nhớ nghĩ đến lời nói chân thật, cho nên không điên đảo, nghĩa là học hỏi-kế thừa có nguồn gốc, trở lại dạy bảo lẫn nhau. Hai câu sau giải thích vì sao không điên đảo ở câu trước, bởi vì lời nói hàm chứa ý nghĩa, cho nên phù hợp với pháp thực

hành. 3- Ba câu sau là lời nói đúng lúc để dạy dỗ khuyên nhủ, khiến cho tu hành.

Luận Địa Trì nói về dạy dỗ khuyên nhủ sai biệt có năm: Một- Chế định; Hai- Nghe theo; Ba- Nêu ra; Bốn- Làm cho thuần phục; Năm- Khiến cho vui mừng. Nay thâu nhiếp làm thành ba câu: Một- Người có tội thì chế định, người không có tội thì nghe theo, là thuận với đạo lý. Hai- Đối với chế định-nghe theo nếu có thiếu sót thì như pháp nêu ra, nhiều lần hủy phạm thì làm cho thuần phục và nghĩ đến, nói là khéo léo điều phục. Ba- Người có thật đức thì khen ngợi khiến cho vui mừng, cho nên nói là quyết định. Lại một câu này là tổng quát kết luận về bốn loại trên, nghĩa là hoặc chế định-hoặc nghe theo, hoặc nêu ra-hoặc làm cho thuần phục, đều cần phải đúng lúc thích hợp.

Hai- Từ “Thị Bồ-tát...” trở xuống là trong mục lia bỏ hành của quả, cũng dùng nhẹ so sánh với nặng.

Đoạn 8: Lia bỏ tham. Dưới đây là ba loại của ý, chỉ có đối trị, bởi vì tham... là căn bản của Nghiệp hữu (quả báo của nghiệp). Lại không có chỗ dựa, cho nên không phải là hành của quả. Bởi vì không phải là quả, cho nên không thể so sánh. Bởi vì trải qua thiết lập nhân khác, cho nên chỉ có một.

Lia bỏ tham lam, nghĩa là lia bỏ tâm mong cầu. Trong riêng biệt có ba: Một- Sự; Hai- Thể; Ba- Sai biệt.

Một- Đối với tài sản vật dụng của người khác là Sự, bởi vì người khác đã thâu nhiếp; đây là chọn ra đối với chính mình. Người khác thâu nhiếp có hai: 1- Mình đang thâu nhiếp sử dụng; 2- Tuy không thuộc về mình mà dấy lên tưởng về thâu nhiếp giữ gìn.

Hai- Cửa cải sử dụng nơi người khác là Thể, nghĩa là Thể của vật đã tham. Nhưng sử dụng hàm chứa hai nghĩa: 1- Sự vật đã sử dụng, nghĩa là vàng-bạc...; 2- Sự vật cung cấp sử dụng, nghĩa là đồ ăn thức uống...

Ba- Từ “Bất sinh tham...” trở xuống là trình bày về sai biệt, chính thức hiển bày về chủ động đối trị: 1- Bắt đầu ham muốn gọi là mong cầu, tức là tưởng về vật dụng của người khác; 2- Mong mỏi có thể thuộc về mình là nguyện, tức là ưa thích-ham muốn; 3- Cuối cùng khởi lên ý tưởng chiếm đoạt là tham. Đây tức là phương tiện và cứu cánh, cùng với vật của người khác trước đây, tức là năm duyên. Trong ba loại của ý phải đầy đủ năm duyên, nếu thiếu duyên cứu cánh thì chỉ gọi là phiền não. Nay đều là tánh lia bỏ, cho nên dùng không tham để không dấy khởi.

Đoạn 9: Lìa bỏ nóng giận hàm chứa độc hại, cho nên gọi là lìa bỏ sân giận. Trong riêng biệt có ba: Một- Riêng biệt hiển bày về chủ động đối trị; Hai- Từ “Vĩnh xả...” trở xuống là tổng quát hiển bày về thụ động đối trị; Ba- Từ “Thường tư...” trở xuống là tương tự bao gồm lợi ích của đối trị.

Một- Vì sáu loại chúng sinh mà khởi lên sáu loại đối trị, Luận thâm nhiếp làm năm: 1- Đối với người oán thù thì sinh tâm Từ để đối trị, bởi vì oán thù muốn làm cho khổ đau. 2- Đối với người làm điều ác thì sinh tâm làm lợi ích để đối trị, bởi vì nguy hiểm khổ đau ở vị lai. 3- Đối với người nghèo khó và khổ đau thì sinh khởi hai tâm thương xót-hoan hỷ; bởi vì hai tâm này có bao gồm-có riêng biệt, bao gồm thì có thể nhận biết cho nên Luận hợp lại ở đây, riêng biệt thì người nghèo cùng nên thương xót họ, người buồn khổ thì khiến cho họ vui sướng. 4-Đối với chúng sinh vui sướng thì sinh tâm hài hòa mềm mỏng, Luận gọi là Lợi nhuận, đối trị đằm nhiễm ấy cho nên không có lợi nhuận. 5-Đối với người phát tâm Bồ-đề thì khởi tâm thâm nhiếp tiếp nhận, bởi vì thâm nhiếp khiến cho thành tựu.

Hai- Trong tổng quát lìa bỏ chướng cũng có sáu chướng, tất cả chướng ngại đến sáu loại trước, không phải là đối trị riêng biệt từng loại một, cho nên nói là tổng quát. Ở trong sáu loại này, thâm nhiếp làm thành ba cặp:

1- Hai loại đầu là dùng chính mình đối với người khác, để phân rõ về oán-thân. Sinh lòng oán hận bởi vì Sân, làm hỏng sự thân mật bởi vì Hận. Oán hận thì chưa sinh-đã sinh đều khiến cho sinh trưởng, Thân mật thì chưa sinh-đã sinh đều khiến cho không thể sinh trưởng.

2- Hai loại tiếp chỉ dựa theo pháp thiện-bất thiện của chính mình, để trình bày về sinh trưởng. Chướng ngại điều thiện gọi là Oán, tăng trưởng điều ác gọi là Hại, hai loại đều có đã sinh-chưa sinh.

3- Hai loại sau chỉ dựa vào sự việc yêu thích-không yêu thích đối với người khác, để trình bày về sự sinh trưởng ấy. Ganh ghét hơn mình gọi là Nhiệt, nghĩa là thấy sự việc yêu thích của người khác; làm khổ người khác gọi là Náo, nghĩa là thấy sự việc không yêu thích của người khác. Hai loại đều có đã sinh-chưa sinh... Luận Du Già nói: “Phương tiện và cứu cánh của giận dữ, nghĩa là tâm mong mỗi quyết định đối với sự việc tổn hại, đích thực có thể thành tựu nghiệp hành.” Nay đều không thực hành, cho nên trên đây nói là: Vĩnh viễn lìa bỏ.

Ba-Tương tự bao gồm lợi ích của đối trị, nghĩa là trước đây đã nói cũng luôn luôn suy nghĩ về Từ Bi che chở.

Đoạn 10: Là bỏ suy xét tìm tòi trái với lý, không nói về lia bỏ tánh là bởi vì văn lược bớt mà thôi. Trong riêng biệt đối trị bảy loại tà kiến: 1-Trú trong Chánh đạo, đối trị kiến chấp của Thừa khác, bởi vì Tiểu thừa đối với Đại thừa không phải là Chánh đạo. 2-Không làm việc về bói toán, đối trị kiến chấp của phân biệt hư vọng, tức là tà kiến, bởi vì tất cả lành-dữ, hối hận-tiếc rẻ đều do yêu-ghét mà sinh ra, cho nên nói là hư vọng. 3-Không chọn lấy giới ác, đối trị về Giới cấm thủ. 4-Tâm nhận thức chánh trực, đối trị về Kiến thủ. 5-Không có lừa dối, đối trị về thấy mà che giấu. 6-Không có nịnh hót, đối trị về giả vờ hiện vẻ mà cái thấy không thật. 7- Từ “U Phật...” trở xuống là đối trị cái thấy không thanh tịnh.

Đối trị bảy loại tà kiến này, giải thích có hai mục: Một- Dựa theo hành; Hai- Dựa theo con người.

Trong mục một- Dựa theo hành: Một loại đầu là Nguyện tà, bởi vì nguyện thuộc về Tiểu thừa. Ba loại tiếp là Giải tà, bởi vì nhận thức điên đảo. Nhưng tà kiến về Giới ác chỉ là tà kiến bên ngoài, một loại Kiến thủ bao gồm tà kiến bên trong, nghĩa là người học theo Đại thừa, bởi vì giữ lấy lời nói mà trở thành kiến chấp. Hai loại tiếp là Hạnh tà, bởi vì che giấu sai trái mà giả vờ tốt đẹp. Một loại sau là Tín tà, bởi vì tin tưởng các pháp thế gian. Lại bởi vì nhất quyết không tin đối với Tam Bảo, cho nên luận Du Già nói: “Phương tiện và cứu cánh của Tà kiến, vốn là phỉ báng và quyết định.”

Mục hai- Dựa theo con người: Bốn loại đầu là chúng sinh mong cầu Phạm hạnh tà, trong đó một loại trước là Tiểu thừa đồng pháp, ba loại sau là ngoại đạo. Hai loại tiếp là mong cầu ham muốn. Một loại sau là mong cầu về quả báo. Nay thì tánh không mong cầu, gọi là Là bỏ tà kiến.

Mục ba- Từ “Phật tử...” trở xuống là kết luận thành tựu về Tăng thượng, ở đây có ba nghĩa: 1- Giữ gìn tất cả mười nghiệp thiện, tức là nghĩa về không thiếu sót. 2- Luôn luôn không có gián đoạn, tức là nghĩa về thanh tịnh, bởi vì cấu uế của sai lầm phạm vào không gián tiếp khởi lên. 3- Luôn luôn không có đoạn mất, tức là nghĩa về thường xuyên giữ gìn. Đây đủ ba nghĩa này thì được gọi là Giới tăng thượng.

Phần b: Từ “Phục tác thị niệm...” trở xuống là Nhiếp thiện pháp giới, nghĩa là không những Luật nghi không thiếu sót-không gián đoạn, mà thường xuyên thâm nhiếp pháp thiện cũng không có gián đoạn-không có thiếu sót. Trong văn phân ba mục: Một-Sơ lược quán sát về bất thiện, khởi lên Hạnh thâm nhiếp thiện; hai-Từ “Phật tử...”

trở xuống là mở rộng quán sát về đối trị chướng, khởi lên Hạnh thâm nhiếp thiện; ba-Từ “Như thị phương tiện...” trở xuống là tổng quát kết luận để khuyến khích tu tập.

Mục một, phân hai: 1- Trình bày về Trí quán sát; 2- Từ “Thị cố...” trở xuống là trình bày về khởi lên Nguyễn-Hạnh.

Mục 1- Rơi vào đường ác, có ba loại nghĩa: a- Bởi vì nương theo hành ác của quá khứ, đây tức là nhân của Tập, Kinh nói: Đều do mười nghiệp bất thiện. b- Nương tựa tự thân mà có thể sinh ra khổ não, đây tức là chủ động rơi vào tất cả chúng sinh. c- Thường xuyên rơi vào nơi chốn đủ loại tướng khổ, đây tức là thụ động rơi vào nẻo ác. Hai loại trên đều là quả của khổ. Nghiệp là nghĩa về nhân. Đạo là nghĩa về nối thông đến nơi. Đã muốn sử dụng bất thiện thì mới rơi vào nẻo ác, bởi vì không phải không có tác dụng của nhân, chỉ là bất thiện, mà không phải là nhân của tà

Mục 2: Khởi lên Nguyễn-Hạnh, bởi vì nghĩ đến nhân quả xấu ác của chúng sinh, cho nên lập tức khởi lên Đại Bi, chính là tâm Tự lợi-Lợi tha, trong đó: Trước là chính thức tu tập về Tự lợi-Lợi tha; sau từ “Hà dĩ...” trở xuống là đưa ra để giải thích ngược lại.

Trong mục hai: Là mở rộng quán sát về đối trị chướng, trình bày về thâm nhiếp pháp thiện, nghĩa là quán sát về năm lớp pháp thiện, khởi tâm Tăng thượng đối với pháp thiện thanh tịnh Thượng Thượng của Phật, cho nên mong cầu Hạnh thanh tịnh học hỏi tu tập thực hành về Nhiếp thiện pháp giới.

Nếu thẳng thắn dựa vào văn kinh thì cũng phân ra hai mục riêng biệt: 1- Trình bày về Trí quán sát; 2- Từ “Thị cố...” trở xuống chính là tâm thâm nhiếp pháp thiện.

Nay bởi vì Luận lấy mục sau thâm nhiếp thuộc về pháp thiện của Phật, cho nên lại phân làm hai: 1- Quán sát về pháp bất thiện, chỉ là pháp thụ động đối trị; 2- Từ “Thập thiện nghiệp...” trở xuống là quán sát về pháp thiện, bao gồm chủ động đối trị và thụ động đối trị.

Mục 1: Đây đủ Khổ-Tập, trong này bởi vì trình bày về thâm nhiếp thiện, cho nên sơ lược nêu ra pháp ác. Quả đã nêu ra ba đường dữ, thì hiển bày về nhân cũng có ba phẩm, văn kinh tự nhiên đầy đủ như phần sau nói về Nhiếp chúng sinh giới.

Mục 2, là thâm nhiếp quán sát về mười thiện, đầy đủ các pháp môn. Nhưng tổng quát về tướng mà phân rõ, thì thiện đều là chủ động đối trị, bởi vì thuận với Lý làm lợi ích cho chúng sinh, chính là trái với ác. Nếu tùy theo tướng để phân biệt thì thiện của trời-người, hãy còn là

thụ động đối trị, bởi vì đều là Khổ-Tập. Văn phân năm lớp:

Lớp thứ nhất: Mười thiện của trời-người. Bởi vì trời-người là thiện của thế gian, cho nên không phân ra. Thật sự thì cũng đầy đủ ba phẩm, nghĩa là thiện của loài người là phẩm Hạ, thiện của trời cõi Dục là phẩm Trung, thiện của trời cõi Sắc-Vô sắc là phẩm Thượng.

Nói về ba phẩm, hoặc là do tâm của ba thời, hoặc là dựa theo cảnh có hơn-kém, hoặc là tâm có nặng-nhẹ, hoặc là tự mình thực hiện-day cho người khác thực hiện...

Luận tường tận về nghĩa ấy thì nhiều phẩm không giống nhau, sơ lược nói đến một vài phẩm mà thôi, bởi vì bất thiện thì trái với ở đây, có thể biết. Luận Du Già quyển thứ 60 mở rộng hiển bày về sai biệt.

Lớp thứ hai: Từ “Hựu thử...” trở xuống là phân rõ về mười thiện của Thanh văn. Sau trong Tam thừa có ba tiết: Một: Nêu lên pháp thiện đã tu giống nhau; Hai: Hiển bày về dụng công khác nhau; Ba: Kết luận thành tựu về Thừa của mình.

Nay trong Thanh văn, từ “Dĩ trí tuệ...” trở xuống là trình bày về dụng công khác nhau, trong đó: Câu đầu là so với trước để làm sáng tỏ về thù thắng, bởi vì tu về Trí thuộc Thật tướng, không giống với thiện không có Trí của trời-người, bao gồm quán sát về nhân quả-thiện ác trên đây, đều là cảnh quán sát thuộc về Khổ-Tập. Tiếp từ “Tâm thiểm liệt...” trở xuống là so với sau để làm sáng tỏ về yếu kém.

Có năm loại tướng: 1- Nhờ vào tích tập, bởi vì tích tập về nhân nhỏ bé, cho nên tâm hẹp hòi-yếu kém, hẹp hòi nghĩa là tu hành một ít pháp thiện, yếu kém nghĩa là chỉ có thể Tự lợi. 2- Sợ khổ, tức là bởi vì sợ hãi ba cõi. 3- Tâm rời bỏ, tức là thiếu Đại Bi, cho nên rời bỏ chúng sinh. Ba loại trên chỉ là yếu kém so với Bồ-tát. Hai loại sau bao gồm yếu kém so với Duyên giác: 4- Nương tựa, tức là Kinh nói thuận theo người khác, nghĩa là nhất định phải nhờ vào Thầy dạy bảo. 5- Quán sát, tức là nghe âm thanh mà hiểu rõ, nghĩa là bởi vì nghe âm thanh về Nhân-Pháp vô ngã, cho nên tâm thông suốt.

Thành tựu về Thanh văn Thừa, là kết luận thành tựu về Thừa của mình. Nhưng chủ động đối trị thì mười thiện cùng với Trí tuệ, tức là diệt nhân quả của ác thuộc về Đạo đế; trong nhân quả của thiện khiến cho vắng lặng, gọi là Diệt đế. Thành tựu về Thanh văn Thừa, nghĩa rời bỏ Đạo-Diệt.

Lớp thứ ba: Mười thiện của Duyên giác. Trong dụng công khác nhau: Câu đầu là tổng quát trình bày, bởi vì có thể tu tập, gọi là tu tập thanh tịnh, nhưng chưa có thể tu tập trọn vẹn, cho nên không gọi là đầy

đủ. Tiếp từ “Bất tùng...” trở xuống là riêng biệt hiển bày, có ba loại tướng: 1- Tự giác, nghĩa là khác với Thanh văn, không nghe từ người khác là hiển bày về Y chỉ thù thắng. 2- Từ “Đại Bi...” trở xuống là không tự mình thuyết pháp, bởi vì Đại Bi không đầy đủ cho nên không có tâm khởi lên thuyết giảng, bởi vì phương tiện không đầy đủ cho nên năng lực không có thể thuyết giảng, nếu có lợi ích cho chúng sinh thì phần nhiều chỉ hiện bày thân thông. Đây là yếu kém so với Bồ-tát. 3- Từ “Ngộ giải...” trở xuống tức là quán sát ít cảnh giới, ít có hai nghĩa: a- So với trước hiển bày về thù thắng, bởi vì là Lợi căn, chỉ quán sát Khổ-Tập, liền tỏ ngộ về quán sát rất sâu xa, thù thắng so với Thanh văn; b- So với sau làm sáng tỏ về yếu kém, chỉ quán sát Nhân-Pháp vô ngã, cho nên không giống như Bồ-tát mong cầu Đại Trí của Phật...

Hai Thừa trên, nói mở rộng như trong phần Bốn Địa ở luận Du Già.

Lớp thứ tư: Mười thiện của Bồ-tát. Trong dụng công khác nhau, có bốn loại tướng: 1- Nhờ vào tích tập; 2- Dụng; 3- Lực; 4- Địa.

Trong tướng thứ 4: Câu đầu là nhân của Hạnh, hai câu tiếp là tướng của Hạnh, một câu sau là phần vị của Hạnh.

Câu 1, nói nhờ vào tích tập, là vốn có tu tập về thiện căn, dựa vào đó khởi Hạnh. Ở đây lại có ba nghĩa: Một-Dựa vào tất cả thiện căn mà khởi Hạnh, tức là tu tập đầy đủ đối trị làm cho thanh tịnh, đầy đủ tức là nghĩa về tất cả pháp thiện; nay kinh thiếu hai chữ này, thì không thể nào khác với Duyên giác nói trên; đây là trình bày về Tự lợi. Hai-Tâm rộng lớn, tức là tâm Lợi tha. Ba-Vô lượng, tức là tâm Đại thừa, là Thể của hạnh Tự lợi-Lợi tha.

Câu 2, đầy đủ thương xót là Dụng của Bồ-tát. Câu 3 do phương tiện mà thâm nhiếp, tức là dùng Tứ nhiếp pháp để thâm nhiếp chúng sinh, là lực của tâm Bi. Câu 4 từ “Phát sinh...” trở xuống đều là hiển bày về nghĩa của Địa. Địa tuy có mười, mà dựa vào nơi đầy đủ ba A-tăng-kỳ, sơ lược nêu ra ba Địa để thâm nhiếp bảy Địa còn lại: Một- Phát sinh Đại Nguyện, tức là tâm sâu xa thanh tịnh ở Địa thứ nhất. Hai- Không rời bỏ chúng sinh, tức là Địa không thối chuyển, tuy đạt được tịch diệt mà không rời bỏ chúng sinh, tức là Địa thứ tám. Ba- Mong cầu Trí của Phật..., tức là tiếp nhận phần vị lớn của Địa, tức là Địa thứ mười, ở đây có ba câu: a- Quán sát mong cầu thực hành về chứng, bởi vì Trí độ đầy đủ; b- Chương ngại của các Địa hoàn toàn thanh tịnh; c- Che lấp của các Độ hoàn toàn thanh tịnh.

Từ “Thành Bồ-tát quảng đại hạnh...” trở xuống là kết luận thành

tự về Thừa của mình.

Lớp thứ năm: Mười thiện của Phật. Thượng Thượng là tổng quát.

Từ “Nhất thiết...” trở xuống là riêng biệt, có bốn loại nghĩa, hiển bày về sự việc Thượng Thượng, ba nghĩa trước là thuộc về Phật, một nghĩa sau là Bồ-tát suy nghĩ đầy đủ: 1-Diệt, nghĩa là bởi vì diệt trừ nghiệp đạo bất thiện cùng với tập khí, cho nên Chủng Trí thanh tịnh. 2-Xả, nghĩa là cho đến Chứng pháp Bất cộng là mười Lực-Vô úy, cho nên rời bỏ Nhị thừa. 3- Phương tiện, nghĩa là bởi vì tất cả pháp của chư Phật đối với Bồ-tát Thừa, đều khéo léo thành tựu. 4- Bởi vì Bồ-tát mong cầu không hề thỏa mãn, cho nên nói là: Vì vậy nay con bình đẳng thực hành mười thiện.

Trên đây tuy nêu ra năm lớp-mười thiện, nhưng mười thiện của phàm phu-Tiểu thừa chỉ dùng để giáo hóa chúng sinh, không phải là công hạnh của chính mình; mười thiện của Bồ-tát, bởi vì trước đã an trú, cho nên tuy chính là tâm bình đẳng thực hành pháp thiện của Phật, nhưng pháp thiện của Phật hướng về Bồ-tát là phần còn lại chưa tu, trong Nhất thiết trí tự tại thuần thực mới là đầy đủ, cũng diệt trừ tập khí cho nên nói là thanh tịnh.

Mục ba là tổng quát kết luận để khuyến khích tu tập, có thể biết.

Phần c- ừ “Phật tử, thập bất thiện nghiệp đạo...” trở xuống là Lợi ích chúng sinh giới, văn phân làm hai mục: Một- Mở rộng trình bày về thâm nhiếp chúng sinh; Hai- Từ “Phật tử, Bồ-tát như thị hộ trì ư giới...” trở xuống là kết luận thành tựu về giới làm lợi ích cho chúng sinh.

Trong mục một- Hiển bày về Giới tăng thượng này, có năm loại nghĩa: 1- Trí; 2- Nguyện; 3- Hạnh; 4- Tích tập; 5- Quả của tích tập.

Mục 1- Trí, nghĩa là khéo léo nhận biết về nhân-quả khổ của chúng sinh, văn phân làm ba: a- Tổng quát trình bày nhận biết về nhân; b- Từ “U trung...” trở xuống là riêng biệt hiển bày nhận biết về quả; c- Từ “Phật tử...” trở xuống là kết luận thành tựu về nhân của khổ.

Mục a- Trong tổng quát, quả có ba đường dữ không giống nhau, nhân có ba thời gian lên cao-xuống thấp, Luận gọi là Thời sai biệt. Ba Thời lại có hai: Một- Dựa theo tâm, nghĩa là như sát sinh, sắp sát sinh-đang sát sinh-đã sát sinh, ba Thời đều nặng gọi là phẩm Thượng, tùy theo một Thời nhẹ gọi là phẩm Trung, ba Thời đều nhẹ là phẩm Hạ. Hai- Dựa theo thời gian, nghĩa là thời gian ít-thời gian nhiều-suốt đời gây ra... Còn lại có ba phẩm, nói như trong phần trình bày về mười thiện trước đây. Lại đều có ba phẩm... thuận theo ở trong mỗi một đường dữ.

Nhưng dựa theo kinh Chánh Pháp Niệm, ba đường dữ đều có bên cạnh và chính thức (Biên-chánh), chính thức là nặng, bên cạnh là nhẹ. Chính thức nặng quý so với bên cạnh súc sinh, thì nặng quý tội nặng hơn, vì vậy trong luận Tập Tập... nói nặng quý tiếp sau địa ngục. Nếu chính thức súc sinh so với bên cạnh nặng quý, thì súc sinh tội nặng hơn, nay nói phẩm Hạ là nhân của nặng quý.

Mục b- Trong riêng biệt hiển bày nhận biết về quả, trong mười pháp bất thiện đều có hai quả sai biệt: Một-Sai biệt về quả của Báo, đó gọi là Dị thực của ba đường dữ; hai-Sai biệt về quả của Tập khí, tức là Báo sót lại trong loài người, là phần còn lại của Chánh báo. Trong kinh nói: Nếu sinh trong loài người thì mang lấy hai loại này. Nhưng luận Tập Tập-Du Già..., tách quả của Tập khí ra làm hai: 1- Dựa theo Nội báo gọi là quả Đẳng lưu, tức là như kinh phân rõ; 2- Dựa theo Ngoại báo cảm đến quả Tăng thượng. Nay kinh thiếu phần này, sau dựa vào quả báo Dị thực để hiển bày về điều đó.

Mười ác đều giống nhau, nay chỉ giải thích về quả Đẳng lưu-Tăng thượng. Nhưng hai loại Đẳng lưu, phần nhiều là trước nặng-sau nhẹ, nhẹ tức là Đẳng lưu của Phương tiện, nặng tức là Đẳng lưu của Chánh ác. Mười ác thì phân làm mười tiết:

Tiết một- Trong sát sinh: 1- Giết hại khiến cho chết yểu, không trọn tuổi thọ, nhận lấy thọ mạng ngắn ngủi, tức là Đẳng lưu của Chánh ác. 2- Chưa chết mà nhận chịu đau khổ bởi vì mang lấy nhiều bệnh tật, tức là Đẳng lưu của Phương tiện; sợ hãi không có ánh sáng tốt đẹp, cảm đến vật cung cấp cho sinh hoạt... thiếu đi ánh sáng, là Tăng thượng bên ngoài.

Tiết hai- Trộm cắp làm hại tài sản của người khác mà nhận chịu nghèo túng, khiến cho có được để dùng nhưng không vừa lòng xứng ý, tài sản chung mà không được tự tại; cảm đến sương mù mưa đá làm hư hại cây cối mùa màng, là Tăng thượng bên ngoài.

Tiết ba- Trong tà dâm khiến cho người vợ không trinh thuận, bởi vì phương tiện dụ dỗ lừa gạt, bắn thủ xấu xa của tà dâm, cảm đến hôi hám như nhớp, là Tăng thượng bên ngoài.

Tiết bốn- Đẳng lưu của nói dối, lại bị phỉ báng dựa theo cảnh trái ngược, bị đối gạt dựa theo tâm trái ngược, bởi vì lời nói không thật, cảm đến mất công làm nhiều mà không có kết quả gì, là Tăng thượng bên ngoài.

Tiết năm- Trong lời nói hai lưỡi, khiến cho người khác ly gián, mà bạn thân trở thành oán thù, bởi vì phát ra lời nói không công bằng, cho

nên cảm đến gặp nhiều hiểm trở, là Tăng thượng bên ngoài.

Tiết sáu- Trong lời nói thô ác, Thể của lời nói là ác-Dụng của lời nói là ác, bởi vì nói ra luôn luôn có tranh chấp trái ngược, làm phiền lòng người khác, cho nên cảm đến sự việc như gai góc-đá sỏi..., là Tăng thượng bên ngoài.

Tiết bảy- Nói lời thêu dệt, lời nói không có người tiếp nhận bởi vì căn cơ không hiểu, lời nói không rõ ràng bởi vì tự mình thêu dệt rối rắm, bởi vì lời nói thêu dệt cho nên cảm đến vật dụng hoa trái không thuận theo mùa, là Tăng thượng bên ngoài.

Tiết tám- Trong tham dục, bởi vì không biết đủ những gì đã có được, cho nên mong cầu những gì chưa có được, tham thì niệm niệm ham muốn nhiều, cảm đến Tăng thượng bên ngoài ngày ngày giảm bớt.

Tiết chín- Trong nóng giận, hai loại Đẳng lưu tựa như trước nhẹ-sau nặng: 1- Thấy không vừa ý, cho nên cầu tìm điều tốt-xấu của người; 2- Bởi vì náo hại người khác, cho nên nóng giận không thuận theo tình của chúng sinh. Cảm đến mùi vị đắng cay của điều ấy, và nhiều thú dữ-sâu độc, là Tăng thượng bên ngoài.

Tiết mười- Tà kiến lại sinh vào nhà tà kiến, giống như dòng nước chảy về chỗ thấp, tâm nhận thức không đúng đắn cho nên phần nhiều nịnh hót quanh co. Nói tóm lại là bởi vì không đúng đắn, cho nên cảm đến hoa trái tốt đẹp ngon ngọt thấy đều ẩn đi, là Tăng thượng bên ngoài. Tựa như thanh tịnh mà không thanh tịnh, tựa như yên ổn mà không yên ổn, vì vậy quán sát về quả nhận biết về nhân, cần phải đoạn trừ.

Mục c là kết luận thành tựu về nhân của khổ, vô biên khổ đau từ đây mà phát sinh.

Mục 2- Từ “Thị cố Bồ-tát...” trở xuống là trình bày về Nguyên: Dựa vào Trí phát khởi Nguyên, Nguyên tự mình tu tập pháp thiện vì chúng sinh, cho nên chỉ lìa bỏ nhân ác thì quả ác tự nhiên mất, Nguyên tu tập nhân thiện thì quả thiện tự nhiên đến.

Hỏi: Ác gọi là sát sinh..., lìa bỏ tức là không sát sinh, không sát sinh tức là thiện, lìa bỏ ác-trụ vào thiện, hai tướng lẽ nào phân biệt? Đáp: Ở đây có hai ý: 1- Lìa bỏ sát sinh, nghĩa là lìa bỏ Tác Phạm; trú vào thiện, nghĩa là trú vào Chỉ Trì. Thể thì không khác nhau, dựa theo Trì-Phạm thì phân ra hai, Tác Trì-Chỉ Phạm ngược lại điều này, có thể biết. 2- Lìa bỏ ác thì chỉ là điều ác dừng lại, trú vào thiện thì bao gồm thực hành điều thiện, có đủ Chỉ Trì-Tác Trì. Nghĩa về Chỉ giải thích như trước, nghĩa về Tác thì thế nào? Ba Tự trước đây, thì Tự đầu đã sơ lược

trình bày, nay sẽ giải thích lại, nghĩa là không những không sát sinh, mà còn bảo vệ mạng sống của chúng sinh, như bảo vệ mạng sống của mình, là điều thiện bậc nhất. Giữ gìn tài sản vật dụng của người khác, như chính mình vốn có. Đối với vợ của người khác cũng như vậy. Lời nói chân thật, lời nói dịu dàng, hòa hợp làm cho lợi ích, là bốn điều thiện của lời nói. Không những không có tham, mà lại có thể bố thí giúp đỡ. Không những không nóng giận, mà còn Từ Bi hòa nhã. Không những không có Tà kiến, mà còn thành tựu Chánh kiến. Trí tuệ sâu rộng thì chính là Tác.

Mục 3- Từ “Tự trú...” trở xuống là trình bày về Hạnh dựa vào Nguyện, khởi Hạnh như lời thề mà tu tập, trong đó: Đầu là dựa vào Nguyện trước đây để khởi Hạnh của mình; sau từ “Diệc khuyến...” trở xuống là dựa vào Hạnh của mình mà chính thức thâm nhiếp chúng sinh.

Mục 4- Từ “Phật tử...” trở xuống là trình bày về Tích tập, dựa vào Bi tặng thượng mà nghĩ đến chúng sinh, phát sinh mười loại tâm. Mười loại tâm này cũng có thể cùng nối thông với tất cả. Luận dựa vào tướng riêng biệt làm thành tám loại chúng sinh:

Một- Đối với chúng sinh hành ác thì khiến cho trú vào hành thiện, gọi là lợi ích.

Hai- Vì chúng sinh khổ đau thì khiến cho có được yên vui.

Ba- Đối với chúng sinh oán ghét thì khởi tâm Từ không nghĩ đến đáp trả.

Bốn- Đối với chúng sinh nghèo khổ thì khởi tâm Bi mong muốn cứu giúp họ.

Năm- Đối với chúng sinh ham vui thì thương xót cho sự phóng túng của họ.

Sáu- Đối với ngoại đạo thì thâm nhiếp khiến cho phát sinh niềm tin đúng đắn.

Bảy- Đối với người đồng hạnh thì bảo vệ khiến cho không lui sụt.

Tám- Như chính mình chọn lấy, đối với chúng sinh thâm nhiếp tất cả Nguyện về Bồ-đề, bởi vì Nguyện giống nhau.

Hai tâm sau cũng dựa theo tướng tự ở đây, nhưng tâm sau thù thắng hơn tâm trước.

Chín- Quán sát về đạo Đại thừa mà chúng sinh ấy nương theo, người tiến lên hưởng về thì tôn kính như bậc Thầy.

Mười- Quán sát về người tích tập đầy đủ công đức, thì tôn kính

như bậc Đại Sư.

Mục 5- Từ “Tác thị niệm ngôn...” trở xuống là quả của tích tập, dựa vào tâm Bi trước đây để khởi lên mong muốn thù thắng nhất, bởi vì mong muốn cứu giúp.

Trong văn thì cứu giúp thân nhiếp mười loại chúng sinh, đều nói là Hựu tác, văn đều có hai tiết: a- Quán sát về chúng sinh đã hóa độ; b- Từ “Ngã đương...” trở xuống là tâm cứu giúp. Tiết a tức là thụ động đối trị, tiết b tức là chủ động đối trị.

Trong Tích tập trước đây muốn hiển bày về sai biệt, dùng mười loại tâm hướng về tám loại chúng sinh. Nay trong mười loại, mỗi một loại chúng sinh đã có thể có mười tâm cứu giúp như trước đây.

Trong mười loại: Một loại đầu vốn là hiểu biết tà vạy (Giải tà), Luận nói: Dựa vào điên đảo tăng thượng làm đầu tiên. Chín loại còn lại là thực hành tà vạy (Hạnh tà).

Luận tách ra làm ba: Năm loại đầu là hóa độ chúng sinh mong cầu về Dục, bởi vì mong cầu năm Dục bên ngoài; hai loại tiếp là hóa độ chúng sinh mong cầu về quả báo (Hữu), bởi vì mong cầu về quả của Chánh báo trong ba cõi; hai loại sau là hóa độ chúng sinh mong cầu Phạm hạnh, bởi vì mong cầu về đạo vượt ra, bao gồm hai loại trước là bốn. Nhưng chúng sinh đã hóa độ này, chỉ thân nhiếp sáu loại trước mà thiếu đi hai loại sau trong mục Tích tập, bởi vì Tích tập là tâm làm lợi ích chúng sinh, khởi tâm có nghĩa rộng, cho đến duyên vào đức đầy đủ mà sinh lòng kính trọng bậc Thầy. Nay ở đây chính là luận về cứu giúp, cho nên hai loại sau đều không phải là chúng sinh đã cứu giúp, dù cho người đồng hạnh ấy thối chuyển cần phải hóa độ, mà cũng không có nơi nào ngoài Đại thừa có sự an ổn riêng biệt, có thể nói là cứu giúp vượt ra.

Thứ nhất: Trong hóa độ chúng sinh điên đảo:

Trong tiết a- Chúng sinh đã hóa độ, Tà kiến là tổng quát, nghĩa là bốn điên đảo, bởi vì suy xét tìm tòi ngoài Lý cho nên gọi là Tà kiến. Tiếp là Tuệ ác-Dục ác, hai loại này là riêng biệt: Hai điên đảo về Thường-Lạc gọi là Tuệ ác, bởi vì chuyên niệm phân biệt mới có thể hiện hành; hai điên đảo về Ngã-Tịnh gọi là Dục ác, không nhờ vào chuyên niệm mà có thể hiện hành, bởi vì tánh đã thành. Do chấp về Ngã-Tịnh mà gọi là Dục..., nói như kinh Niết Bàn. Sau là rừng rậm của Đạo ác, là kết luận về Tà kiến ấy làm nhân của các lỗi lầm, Đạo ác là bởi vì không phải Chánh đạo, hiển bày về điên đảo trước đây là nơi lưu hành của phiền não hiện hành; rừng rậm cũng làm nhân của Tùy miên.

Trong tiết b- Kết luận về chủ động đối trị, trứ vào Chánh kiến, tổng quát vượt qua Hạnh tà trên đây, hướng về Thật đạo mà vượt qua rừng rậm của Đạo ác.

Thứ hai: Trong hóa độ chúng sinh mong cầu về Dục, năm loại phân hai: Ba loại đầu là hóa độ chúng sinh thọ dụng năm Dục đang có được mà phát sinh lỗi lầm, hai loại sau là hóa độ chúng sinh theo đuổi năm Dục chưa có được mà luôn luôn lỗi lầm.

Trong ba loại đầu thì phân làm ba tiết: 1- Thọ nhận tài sản không chung; 2- Thọ nhận tài sản không thỏa mãn; 3- Thọ nhận tài sản tích trữ.

Tiết 1- Vật dụng đã có được không chung với người khác, phát sinh lỗi lầm về nóng giận vào lúc chi phí sử dụng:

Tiết a- Trình bày về thụ động đối trị: Phá hoại lẫn nhau dùng làm câu tổng quát, phá hoại có hai: Một- Tranh chấp ở trong lời nói; Hai- Oán giận với nhau ở trong tâm, tức là phân biệt mình-người. Từ “Sân hận...” trở xuống là kết luận về tăng trưởng, bởi vì sân hận cho nên suy nghĩ gây ra báo thù, hành ác của thân-tâm hừng hực không dứt.

Trong tiết b- Chủ động đối trị: Tâm Từ có thể đối trị nóng giận, tâm Từ của Như Lai mới gọi là Vô thượng.

Tiết 2- Hóa độ chúng sinh thọ nhận tài sản không thỏa mãn, bởi vì mong cầu luôn luôn không thỏa mãn mà phát sinh lỗi lầm về tham lam.

Trong tiết a- Thụ động đối trị, có hai: Một là tham lam giữ lấy không thỏa mãn, trình bày về nội tâm khó đầy đủ; hai là chỉ mong cầu tài lợi, tự mình sống bằng tà mạng, biểu hiện ở thân-khẩu, kết luận về ba nghiệp trên đây.

Tiết b- Chánh mạng của ba nghiệp dùng làm chủ động đối trị.

Tiết 3- Hóa độ chúng sinh thọ nhận tài sản tích trữ, tích trữ mà không phân tán ra thì thuận theo phát sinh ba Độc, tăng trưởng lỗi lầm của phiền não.

Trong tiết a- Thụ động đối trị: Nhiễm đấm sinh ra Tham, phân tán sử dụng sinh ra Sân. Nếu tích trữ mà có thể phân tán ra, thì đâu có Tham-Sân? Si là mê lầm đối với hai loại nói trên. Nói đủ loại phiền não dựa vào mà hừng hực: Quán xét thẳng vào ý Kinh, thì bởi vì ba Độc trên đây lại sinh ra phiền não; nếu dựa theo ý Luận, thì bởi vì tích trữ tài sản, tích trữ tài sản tức là Thể của nhân phiền não. Vì sao hừng hực? Nghĩa là ngắm nhìn vật báu để hưởng thụ, luôn luôn bị phiền não thiêu đốt. Nhưng Si có hai lỗi lầm: Một là mê lầm đối với hai loại trước, lại

cũng không biết cái gì là lửa, thế nào là mất? Hai là ý không mong cầu vượt ra, cho nên nói là không hiểu biết về pháp quan trọng để vượt ra, nghĩa là đã mê lầm vì niềm vui của nhà lửa, thì lẽ nào có tâm mong cầu vượt ra hay sao?

Trong tiết b- Chủ động đối trị, là Niết-bàn mát lạnh mà dập tắt lửa phiền não.

Ba loại trên đây tức là chúng sinh đầy khởi phiền não.

Trong hai loại sau, có hai Nguyên hóa độ chúng sinh theo đuổi năm Dục chưa có được mà luôn luôn lỗi lầm, tức là chúng sinh tạo nghiệp, phân hai tiết: Một tiết đầu trình bày về tạo ra các hạnh ác để theo đuổi Hiện báo, một tiết sau trình bày về tạo ra nghiệp thiện hữu lậu để theo đuổi Hậu báo.

Tiết đầu là giáo hóa chúng sinh tạo ra các hạnh ác để theo đuổi Hiện báo.

Trong tiết a- Thụ động đối trị, có bốn loại lỗi lầm:

Một- Lỗi lầm do ngu si che lấp tâm, trong đó: Ngu si là Thể của Si, tối tăm nặng nề là Tướng của Si, cũng là lỗi lầm của Si. Còn lại đều là lỗi lầm của Si: 1- Tối tăm nặng nề, bởi vì mê lầm về khổ hiện tại, không nhận biết là khổ; 2- Ảo vọng nhìn thấy, bởi vì ảo vọng nhìn thấy niềm vui đối với nỗi khổ ít hơn ở hiện tại, như thấy hoa đốm giữa hư không; 3- Che phủ sâu dày, bởi vì không thấy khổ báo phải nhận lấy ở vị lai, như mắt che phủ sâu dày hoàn toàn không nhìn thấy gì.

Hai- Từ “Nhập âm ế...” trở xuống là lỗi lầm về tăng thêm ác-xa rời thiện: 1- Tăng thêm ác bởi vì mê lầm về Dị thực, ngu dốt thuận theo hành bất thiện, mà tăng trưởng Kiết sử, gọi là đi vào rừng rậm che phủ kín mít. 2- Mất đi ánh sáng Trí tuệ, đây là trình bày về xa rời thiện, bởi vì Si mê làm chướng ngại đến hành thiện.

Ba- Từ “Hành khoáng dã hiểm đạo...” trở xuống là trình bày lỗi lầm về nhận lấy khổ báo. Sinh tử rộng dài xa xăm không có nơi nào nương tựa, dù cho đồng hoang mênh mông; nhiều chướng ngại hiểm nạn, lại gọi là con đường nguy hiểm; lưu chuyển gọi là đi qua.

Bốn- Khởi lên những ác kiến, tức là lỗi lầm không có đối trị đích thực. Luận nói: Nghĩa là gây ra nhiều nhân tội lỗi, vào lúc mạng sống sắp kết thúc nhìn thấy tướng của báo ác. Tâm phát sinh nhận thức hối hận, hoặc là hối hận về pháp đã tu tập trước đây, hoặc là khởi lên nhận thức xấu ác, cho nên gọi là Hối kiến. Nhưng không thể nào đích thực đối trị về Tập, cho nên gọi là lỗi lầm.

Trong tiết b- Chủ động đối trị: Trước đạt được Tuệ nhãn thanh tịnh

là Thể, Tuệ nhãn này có hai công năng: Một là thấy tướng như Thật, hai là do thấy tướng Thật, thì không tùy thuộc người khác. Đây đủ hai nghĩa này gọi là Tuệ nhãn chân thật. Dùng hai câu này làm tổng quát vượt qua nhận thức lỗi lầm trước đây, cho nên trước đây đều là Thật.

Tiếp sau là giáo hóa chúng sinh tạo ra nghiệp thiện hữu lậu để theo đuổi Hậu báo, là lỗi lầm vì thuận theo con đường nguy hiểm, nghĩa là bởi vì ngu si mê muội về Thắng nghĩa xuất thế gian, tạo ra phước thuộc nghiệp bất động, mong cầu quả báo ở vị lai, thì thường ở nơi con đường nguy hiểm.

Trong tiết a- Thụ động đối trị có mười câu, phân ba: Một-Câu đầu là Tự Thể, bởi vì chính là sanh tử; Hai- Từ “Tướng trụ...” trở xuống là chương ngại, nghĩa là bởi vì ở đây khó vượt ra; Ba- Từ “Tùy thuận...” trở xuống là trình bày về mất mát, nghĩa là bởi vì trú vào thì mất đi pháp thiện xuất ly.

Một- Nói về Tự Thể, nghĩa là bởi vì nhờ vào một chút thiện của thế gian làm căn bản, thì quả báo của trời-người không an toàn, cho nên gọi là con đường nguy hiểm.

Hai- Nói về chương ngại, đều là sự việc ở trong con đường nguy hiểm, vẫn có tám câu, mê lầm đối với Khổ-Tập-Diệt-Đạo, như thứ tự đều có hai.

1- Trình bày về Khổ thuộc quả báo, nghĩa là tâm tuy mong cầu ra khỏi mà hành thuận theo ba đường dữ, như đứng trước vực sâu, cho nên nói là sắp rơi xuống.

2- Đi vào trong mạng lưới ác kiến, đây là trình bày về mê lầm đối với Khổ, ở trong quả khổ mà ảo vọng sinh ra tưởng về vui, vì lưới ác kiến quấn quanh, như dây leo đan chằng chịt nơi con đường nguy hiểm ở thế gian.

3- Từ “Vi ngu...” trở xuống là mê lầm đối với nhân của Tập, nghĩa là bị ngu si che lấp, không biết đến phiền não, không hiểu về nghiệp trống rỗng, như thêm rừng sâu thì không thấy được nguy hiểm.

4- Từ “Tùy trụ...” trở xuống là trình bày về tạo ra Tập, thế gian ít Chánh đạo, học thì thuận theo Tà đạo, lại khởi lên nghiệp tà mà thực hành theo hạnh điên đảo; như con đường nguy hiểm nhiều ngã rẽ, thường thường đi vào con đường của lang sói, tuy đi mãi mà không hết, muốn tiến tới lại quay lui.

5- Từ “Thí như manh nhân...” xuống là hiển bày về không có Tuệ nhãn đích thực, không có Thể của Đạo, chỉ có được quả, bởi vì tham trước ái dục mà đui mù. Vì vậy kinh Pháp Hoa nói: “Đắm theo vui thú,

do Si mà đui mù.” Tức là nghĩa này. Như không có mắt, trải qua nguy hiểm mịt mù không có nơi đến.

6- Không có vị Thầy hướng dẫn, là trình bày về thiếu duyên của Đạo. Vị Thầy hướng dẫn, nghĩa là Phật Bồ-tát. Đã lia bỏ vị Thầy hướng dẫn sáng suốt thì phát sinh hai loại mất mát: Một-Sẽ sinh vào đường ác; hai-Đời này-đời sau, tuy ở cõi trời-người nhưng phóng túng chướng ngại đến nhận thức. Vì vậy, tuy có Phật xuất thế mà không thấy-không nghe, như người mù không có người dẫn đường, nếu không rơi vào hố sâu thì chỉ ngồi yên không mà tiến tới được.

7- Không phải là Đạo giải thoát, mà nói là giải thoát, thì đích thực mê lầm đối với Diệt đế, mong cầu Niết-bàn mà hướng về nơi khác, nghĩa là lấy Y-Chánh từ Phạm Thiên cho đến Tự Tại để làm Niết-bàn, tôn sùng Tà giải này cho là Chánh kiến, như ở con đường nguy hiểm lấy bẻ tắc làm thông suốt.

8- Đi vào cảnh giới của ma..., hiển bày có chướng ngại đến Diệt đế, năm loại Dục tuyệt vời là cảnh giới của ma, tham đắm là đi vào; sáu trần cướp mất điều thiện gọi đó là giặc ác, bị lôi kéo là thâu nhiếp.

Ba- Từ “Tùy thuận...” trở xuống là hai câu trình bày về mất mát: Câu đầu là nương tựa oán thù, cho nên mất đi pháp lia bỏ điều ác; câu sau là rời xa Thiện hữu, cho nên mất đi pháp tiến thêm điều thiện, người và pháp đều mất.

Trong tiết b- Chủ động đối trị: Cứu giúp ra khỏi con đường nguy hiểm, tổng quát lia bỏ điều ác trước đây, trú trong khu thành Vô úy, là nơi có thể lia bỏ; như ở chốn hoang vu mịt mờ gặp được khu thành, thì những khó khăn sợ gì tiếp cận? Đối chiếu văn trên, nếu không biết rõ động niệm, thì thuận theo tâm của Ma mà cách xa ý của Phật; vắng lặng soi chiếu cùng vận dụng, thì ra khỏi nơi nguy hiểm khó khăn mà đi vào khu thành của Trí.

Trên đây là phân hóa độ chúng sinh mong cầu về Dục, xong.

Thứ ba: Hóa độ chúng sinh mong cầu về quả báo, có hai tiết: Tiết đầu là sai biệt về đường (Đạo), nghĩa là lưu chuyển trong năm đường; tiết sau là sai biệt về cõi (Giới), nghĩa là ràng buộc trong ba cõi.

Tiết đầu: a- Lỗi lầm; b- Trong đối trị lỗi lầm, câu đầu là tổng quát, từ “Nhập dục...” trở xuống là riêng biệt.

Trong tổng quát tức là lỗi lầm chìm vào sông lớn, chìm nổi trong sáu đường như dòng sông lớn ấy, bởi vì chìm trong mong cầu quả báo chính là lỗi lầm. Nhưng trong tổng quát hàm chứa nghĩa riêng biệt ở phần sau, cũng là dòng thác (Bộc lưu) của Thức A-lại-da, sóng nước (Ba

lãng) của bảy Thức.

Trong riêng biệt thì sóng nước ở dòng thác lớn ấy có ba loại tướng: Một- Tự Thể dập dềnh trôi nổi, nghĩa là nhân quả của năm nẻo; Hai- Từ “Thân kiến...” trở xuống là nhân khởi lên tai nạn, nghĩa là nơi có nhiều tổn hại; Ba- Từ “An lạc xứ...” trở xuống là đã trở thành mất mát lớn, mất mát về Đạo xuất ly.

Một: Tự Thể có năm loại tướng: 1- Sâu hút; 2- Dòng chảy; 3- Tên gọi; 4- Trôi giạt; 5- Rộng lớn. Chỉ có một loại ấy đã là khó vượt qua, huống hồ đầy đủ năm loại thì chìm nổi đâu nghi ngờ gì?

1- Sâu hút, tức là đầy đủ bốn dòng chảy (Lưu), nước cuộn cuộn mênh mông, là dòng sông phiến não.

2- Xoáy nước của sinh tử là Lưu. Trên đây là tổng quát về bốn Lưu, bởi vì nhân của phiến não sâu hút, cho nên quả khổ này thường tuôn chảy không cạn. Hai loại trên chính là nơi chìm nổi, bởi vì chìm nổi ở trong dòng sinh tử này.

3- Sông ái dập dềnh trôi nổi là tên gọi. Trước trình bày về bốn dòng chảy, tuy không có phiến não nào không thâm nhiếp, nhưng Ái tưới nhuần sinh tử. Từ đây mà chìm nổi, chỉ chọn lấy tên gọi là sông, như người ngu rơi xuống sông, Ái thì khó vượt ra.

4- Cuộn cuộn chảy xiết... là trôi giạt. Ở đây có hai nghĩa: Một- Hiển bày về dòng sông chảy xiết, cho nên nói là cuộn cuộn chảy xiết- dập dềnh tung tóe, nghĩa là tuy yêu quý thân mạng, muốn khiến cho tồn tại lâu dài, mà niệm niệm không dừng lại, là thời gian chìm nổi. Hai- Bởi vì nóng vội cho nên không thể nào nhận biết đúng như thật về lỗi lầm ấy, lại cũng không nhìn thấy bến bờ giải thoát của Niết-bàn, cho nên nói là không có thời gian rảnh để quán sát, là bởi vì chìm nổi như vậy.

5- Vì ham muốn hiểu biết (Dục-Giác)..., theo đuổi là rộng lớn. Nghĩa là hiểu biết tùy theo ham muốn..., hiểu biết tất cả năm Trần, cho nên gọi là rộng lớn, theo đây mà chìm nổi; Niết-bàn thì lấy ham muốn... để làm trùng điệp.

Hai: Khởi lên tai nạn, có bốn: 1- Chấp, là chấp trước vào sào huyệt của Ngã-Ngã sở, không thể nào làm cho thay đổi, cho nên nói là La-sát của Thân kiến, giữ lấy ở trong đó. Nói ở trong đó, là ở trong hang ổ của Ám. Nói giữ lấy cũng hàm chứa Giới thủ. 2- Từ “Tương kỳ...” trở xuống là xoay vòng trở lại, nghĩa là trước kia rời bỏ Dục đã được sinh đến cõi trên, bởi vì chấp trước Thân kiến mà trở lại sinh vào cõi dưới trong ý niệm về Dục. Nếu dựa theo kinh Niết Bàn, thì Ái kiến đều là

La-sát. Luận về Kinh nói La-sát giữa sông Ái kiến, là người dịch quay lại vẫn không hết. 3- Từ “U sở tham...” trở xuống là ở trong chấp trước, nghĩa là bởi vì mong cầu vui thích đắm theo Dục... vào lúc thọ dụng. 4- Trú trong gò đồi giữa cánh đồng (Nguyên phụ) của Ngã mạn, là Tăng thượng mạn, nghĩa là ở trong lúc thọ dụng sự vật, bởi vì Ngã mạn-Đại mạn-Kiên mạn khởi lên, tự cao xem thường người khác. Mạn khiến cho tâm nổi cao mà dụ cho gò đồi giữa cánh đồng, mưa pháp trên cao thì không dừng lại, tánh nước dưới thấp thì không nhìn thấy. Rộng rãi bằng phẳng nói là cánh đồng, cánh đồng tất nhiên là cao; trên cánh đồng lại thêm gò đồi, là Mạn thuộc về Thượng quá mạn, đối với bến bờ Niết-bàn lấy nước làm tai họa, đối với nước của Phật tánh thì gò đồi giữa cánh đồng làm sai trái.

Hiền Thủ nói: “Trong bốn loại: Một loại đầu là Kiến chấp, hai loại tiếp là Ái, một loại sau là Mạn. Trong Ái: Một là chủng tử không diệt mất cho nên quay trở lại, hai là hiện hành vướng mắc sâu nặng cho nên chìm đắm. Như người ở giữa dòng sông vì bốn điều khó ra khỏi: 1- Bị giữ đứng lại; 2- Bị dòng chảy xoáy tròn; 3- Bị chìm đắm; 4- Giạt vào cồn bãi khô cạn, không đến được bờ bên kia. Kết hợp với dụ, suy nghĩ về điều đó!”

Ba: Trình bày về mất mát, có ba: 1- Mất mát ở đường thiện, bởi vì không có ý vượt ra, cho nên ở yên trong xóm làng của sáu Xứ, đây là không có nhân của thiện; Hai- Mất mát ở đường ác, bởi vì không có cứu giúp, đây là không có duyên cứu giúp; Ba- Không có gì có thể vượt qua, là mất mát bởi vì đi đến nơi khác, nghĩa là lìa xa hành thiện của chính mình, sinh đến những nơi hoạn nạn, cho nên không được gặp Phật, đây là cùng thiếu cả nhân và duyên, bao gồm đường thiện và đường ác.

Trong chủ động đối trị: Trước là khởi tâm hóa độ, sau từ “Dĩ chư...” trở xuống là thành tựu về hạnh hóa độ.

Hạnh hóa độ có sáu: 1- Trao cho nhân thiện, nghĩa là dùng sáu Độ vạn hạnh để làm thuyền bè; 2- Làm duyên cứu giúp; 3- Khiến cho không còn khổ đau hoạn nạn; 4- Khiến cho lìa bỏ Tập nhiễm; 5- Chứng được Niết-bàn tịch tĩnh; 6- Khiến cho đạt được Đại Trí Bồ-đề. Điều là ngược lại với ba tiết trên, suy nghĩ về điều này!

Vì sao có thể đạt được lợi ích này? Luận nói bởi vì pháp như thật. Vì sao hiểu rõ như thật? Bởi vì thật tánh của sinh tử vốn là Như, ngay nơi khổ đau hoạn nạn mà chứng đạt Niết-bàn; thấy rõ nguồn gốc của phiền não là tánh lìa bỏ, ngay nơi Tập nhiễm mà thành tựu Đại Trí. Giáo hóa như vậy là chân thật trao cho nhân thiện, chân thật có thể cứu

giúp.

Tiết sau là trình bày sai biệt về cõi (Giới): a- Lỗi lầm; b- Trong đối trị lỗi lầm, câu đầu là tổng quát, ba cõi ràng buộc giống như lao ngục, cho nên mong cầu quả báo ở đó chính là lỗi lầm, từ “Đa chư...” trở xuống là riêng biệt.

Riêng biệt trình bày về ngục tù thế gian có năm lỗi lầm theo đuổi: 1- Sự việc khổ đau; 2- Tài sản không còn; 3- Yêu thương chia lìa; 4- Phát sinh ràng buộc; 5- Chướng ngại. Ngục tù của ba cõi cũng như vậy. Năm lỗi lầm này nêu ra sai biệt về năm loại Khó:

Một: Không có bệnh tật là khó, bởi vì không có bệnh tật là niềm vui, bệnh tật thì có đau khổ. Nghĩa về các Khó sau đều dựa theo đây. Khổ nghĩa là các bệnh khổ của thân, Não nghĩa là sâu não thuộc về bệnh của tâm.

Hai: Thường mang lòng yêu-ghét là khó về vật dụng sinh hoạt, bởi vì yêu thích vật dụng sinh hoạt ấy mà mong cầu không được, chán ghét sự nghèo túng kia mà cách xa vẫn miễn cưỡng gặp lại.

Ba: Thân thiết là khó, bởi vì yêu thương gắn gũi mà biệt ly cho nên sinh lòng lo sợ.

Bốn: Giới là khó, bởi vì tuy sinh đến cõi trên, tạm thời lìa bỏ phạm giới, nhưng không tránh khỏi giới-hạnh trái ngược nhau, vẫn bị ràng buộc bởi xiềng xích của tham. Nghĩa là Báo hết thì khởi lên tham dục xấu ác, trình bày về hai cõi trên không phải là vĩnh viễn diệt trừ tham dục, mà tham dục này ràng buộc tất cả ba cõi.

Năm: Nhận thức là khó, bởi vì tuy đạt được Trí thuộc tám Thiên định của thế gian, mà cũng bị Vô minh che phủ, trái ngược nhau với Chánh kiến.

Trong chủ động đối trị: Nếu nhận biết rõ ràng như thật về tướng của ba cõi, không có sinh tử, không phải là thật-không phải là giả, thì tự nhiên không có chướng ngại, chứng quả hoàn toàn vắng lặng.

Thứ tư: Hóa độ chúng sinh mong cầu Phạm hạnh, có hai tiết: Tiết đầu là hóa độ chúng sinh mong cầu Phạm hạnh tà vạy, khiến cho rời bỏ Tà-quay về Chánh; tiết sau là hóa độ Tiểu thừa đồng pháp, khiến cho lìa bỏ Quyền-quay về Thật.

Tiết đầu là hóa độ chúng sinh mong cầu Phạm hạnh tà vạy:

Tiết a- Trong trình bày về lỗi lầm: Câu đầu là tổng quát, nghĩa là lỗi lầm chấp trước đối với Ngã, nhưng kiến chấp của các ngoại đạo, phần nhiều lấy Ngã làm căn bản, Đoạn kiến- Thường kiến... đều dựa vào đây mà sinh ra. b- Từ “Ưu chư uẩn...” trở xuống là riêng biệt.

Riêng biệt có sáu câu: Ba câu trước là mất về Đạo, cho nên cách xa niềm vui của Đệ nhất nghĩa; ba câu sau là mất về Diệt, cho nên đầy đủ các nỗi khổ.

Trong ba câu trước: 1- Đối với sào huyệt của các Uẩn, không mong cầu vượt ra, là không bắt đầu phát khởi phương tiện; nghĩa là chúng sinh ngoại đạo ấy muốn hưởng đến Niết-bàn, bởi vì có Ngã, cho nên đối với ngôi nhà của năm Ấm không thể nào làm cho thay đổi. 2- Nơi đã hưởng đến không chân thật, đi vào bên trong không có Ngã, cho nên gọi là Không tự; vọng chấp về Ngã tưởng khắp nơi sáu căn, cho nên gọi là Y. 3- Hành tạo tác không đúng đắn, đã mong cầu Niết-bàn thì phải thực hành tám Chánh đạo, vượt qua bốn hành điên đảo mà Tà đạo thực hành, bởi vì ngoại đạo chấp vào Uẩn ấy, cho rằng Thân-Thọ-Tâm-Pháp là thanh tịnh...

Trong ba câu sau: 1- Khổ vì bốn Đại trái ngược nhau, nghĩa là khổ về già-bệnh-chết thì mọi người đều muốn xa rời, bởi vì chấp vào Ngã cho nên bốn Độc luôn luôn xâm phạm. 2- Khổ vì năm Ấm theo đuổi, năm Uẩn đầy đủ lỗi lầm của các Kiết, bởi vì thường xuyên có thể làm hại pháp thiện của người. 3- Khổ vì vô lượng giặc thù thuộc về sáu Thọ, trên đây không nói đến bởi vì đều ở trong đó, cũng là tổng quát kết luận về năm câu trước.

Trong tiết b- Chủ động đối trị: Trên đây bởi vì chấp vào Ngã mà sinh ra vướng mắc khắp nơi, chỉ riêng Đại Niết-bàn là nơi không có vướng mắc, vì sao có thể đạt được? Nghĩa là pháp như thật. Pháp như thật, sơ lược có ba nghĩa: 1- Giặc thù trên đây..., ngoại đạo không nhận biết, chấp rằng Ngã ở trong đó; nay Bồ-tát giáo hóa quán sát về lỗi lầm, rõ ràng không hề có người. 2- Giả như dùng ví dụ của thế gian thì ví dụ vốn không đạt tới, bởi vì năm Ấm... còn hơn giặc thù... 3- Nhận biết về thật tánh ấy, thì Nhân Không-Pháp Không đều là nơi không có gì chấp trước thù thắng nhất. Còn lại như kinh Niết Bàn quyển thứ 21 trình bày.

Tiết sau là hóa độ Tiểu thừa đồng pháp:

Trong tiết a- Dấy khởi lỗi lầm, có ba: Một-Lỗi lầm về không cầu nhân Đại, lười nhác làm lợi ích chúng sinh là hẹp hòi, pháp Phật vô lượng mà lui sụt ẩn mất không chứng đạt là yếu kém. Hai- Từ “Bất hành...” trở xuống là lỗi lầm về không nguyện Đại quả. Ba- Từ “Tuy dục...” trở xuống là trình bày lỗi lầm về tu hành, chúng sanh thuộc Bất định tự, thật sự có pháp xuất ly của Đại thừa, mà tu theo hạnh Tiểu thừa.

Trong tiết b- Chủ thể đối trị: Pháp Phật rộng lớn, tức là các Độ vạn hạnh, từ Đẳng Địa trở lên gọi là rộng lớn, đều là pháp thuộc nhân của Phật, Trí tuệ rộng lớn bao gồm nhân-quả, vượt qua hẹp hòi-yếu kém trước đây, tổng quát gọi là rộng lớn.

Trên đây là mở rộng trình bày về thâm nhiếp chúng sinh, xong.

Mục hai- Từ “Phật tử...” trở xuống là kết luận thành tựu về Giới thâm nhiếp chúng sinh. Hộ trì đối với Giới, tức là Luật nghi và Nhiếp thiện pháp trước đây, cho nên tâm Từ Bi có thể tăng trưởng, tức là Giới làm lợi ích cho chúng sinh.

Phần sau là quả thuộc phần vị: Chỉ là không có quả Phát Thụ, ba quả giống như trước, cho nên Luận nói có giống nhau. Không có thì cũng gọi là quả, bởi vì phần so sánh thù thắng, ba quả đều thù thắng so với Địa thứ nhất.

Mục một- Trong quả Điều Nhu, có ba: 1- Tướng của Điều Nhu; 2- Từ “Phật tử, thử Bồ-tát...” trở xuống là tướng thuộc Hạnh riêng biệt của Địa; 3- Từ “Phật tử thị danh...” trở xuống là tổng quát kết luận về tên gọi của Địa.

Trong mục 1 có ba, đó là Pháp-Dụ-Hợp.

Trong Pháp có ba: a- Được thấy chư Phật là duyên luyện tập của Hạnh. b- Từ “Ứ chư Phật...” trở xuống là trình bày về Hạnh có thể luyện tập, trong đó trước là cúng dường, sau từ “Ứ chư Phật...” trở xuống là thọ pháp lại thọ mười thiện, tức là học theo pháp thiện của Phật, bởi vì là Địa thuộc về Giới. c- Từ “Thị Bồ-tát...” trở xuống là đã luyện tập thanh tịnh, trong đó thù thắng so với trước, là bởi vì lìa bỏ hai loại cấu uế về bủn xỉn-ganh ghét và phá giới, Giới của Bồ-tát ở Địa thứ nhất chưa thanh tịnh, Bồ thí cũng chưa thanh tịnh. Trước dựa vào Địa thứ nhất mà nói đầy đủ Bồ thí Độ, khiến cho lại càng thanh tịnh, bởi vì lìa bỏ hai cấu uế cho nên gọi là Ly Cấu.

Trong Dụ: Địa thứ nhất dụ cho Vàng, chỉ dùng lửa nung nóng để trừ bỏ cấu uế bên ngoài. Nay ở đây đưa vào trong đá phèn (Phạm thạch), bao gồm Thể sáng ngời và thanh tịnh bên trong, cho nên nói là tất cả thanh tịnh. Pháp hợp có thể biết.

Trong mục 2, là Hạnh riêng biệt của Địa: Bởi vì lìa bỏ bốn lỗi lầm của Ngũ, cho nên chỉ nói nhiều về Ái ngữ.

Mục 3- Tổng quát kết luận về tên gọi của Địa, có thể biết.

Mục hai- Từ “Bồ-tát trú thử...” trở xuống là quả Nhiếp Báo: 1- Trình bày về quả thuộc tại gia; 2- Từ “Nhược dục...” trở xuống là quả thuộc xuất gia.

Trong mục 1, là quả thuộc tại gia, có hai: a- Thân thù thắng bậc nhất tức là Kim Luân Vương; b- Từ “Năng trừ...” trở xuống là trình bày về quả thù thắng bậc nhất.

Mục 2, là quả thuộc xuất gia, có thể biết.

Mục ba- Từ “Nhược dĩ Bồ-tát...” trở xuống là quả Nguyễn Trí, đều như Địa thứ nhất.

Ba- Phần trùng tụng, có mười lăm kệ phân ba:

Một- Có mười kệ, tụng về Hạnh thuộc phần vị, trong đó có bốn: 1- Một kệ đầu, tụng về mười loại Trục tâm; 2- Có hai kệ, tụng về Luật nghi giới; 3- Có hai kệ rưỡi, tụng về Nhiếp thiện pháp giới; 4- Có bốn kệ rưỡi, tụng về Nhiếp chúng sinh giới.

Hai- Có bốn kệ, tụng về quả thuộc phần vị.

Ba- Có một kệ, kết luận ca ngợi về pháp đã thuyết giảng.

Địa thứ hai, xong.

